



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM

BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO



Bản tin **KINH TẾ VĨ MÔ**

SỐ THÁNG 5/2025



MỤC LỤC

PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 4/2025	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	3
2. Dự báo tăng trưởng	8
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	9
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 4/2025	9
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	9
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	9
1.1.2. Xuất nhập khẩu	10
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	10
1.1.4. Hoạt động đầu tư	11
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	13
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	13
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	13
1.2.2. Lãi suất	14
1.2.3. Tỷ giá	15
1.2.4. Chứng khoán	16
1.2.5. Chỉ số giá vàng	17
1.2.6. Lạm phát	17
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	18
2.1. Về chủ trương, chính sách	18
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	22
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	24
1. Thị trường dầu thô	24
2. Thị trường khí	31
3. Thị trường phân bón	36
4. Thị trường điện	41
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	43
Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 4 năm 2025	44



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI



1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 4/2025

1.1. Tổng quan chung

Chỉ số *PMI sản xuất toàn cầu tháng 4/2025 đạt 49,8 điểm, giảm 0,5 điểm so với tháng 3/2025 (50,3 điểm)*, xuống dưới mức trung tính 50 điểm để chỉ ra tình trạng thu hẹp nhẹ của các điều kiện kinh doanh nói chung lần đầu tiên trong năm 2025.

Theo S&P Global, các số liệu cho thấy nhiều xu hướng đáng lo ngại về thương mại, lạm phát và tâm lý kinh doanh, với bằng chứng cho thấy xung đột thuế quan, chủ nghĩa bảo hộ thương mại và sự bất ổn đang tác động tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu. Một số biến động khu vực cũng ngày càng trở nên rõ ràng, đáng chú ý là Bắc Mỹ chứng kiến sự kết hợp không mong muốn giữa các đơn đặt hàng xuất khẩu đặc biệt yếu và áp lực giá đặc biệt cao.

Trong tháng 4/2025, kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với những cú sốc bất ổn nghiêm trọng khi chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump đẩy mạnh chính sách bảo hộ thương mại, áp đặt các mức thuế quan kỷ lục đối với hàng hóa nhập khẩu. Ngày 2/4, ông Trump tuyên bố áp mức thuế cơ bản 10% lên toàn bộ hàng hóa nhập khẩu vào Mỹ, bắt đầu từ ngày 5/4. Đáng chú ý, thuế suất đối với hàng hóa Trung Quốc được nâng lên mức 125%, đưa tổng mức thuế áp lên nước này lên tới 245% sau khi cộng gộp các sắc thuế trả đũa và thuế đặc biệt khác.

Mặc dù sau đó, ngày 9/4, Mỹ đã thông báo tạm hoãn 90 ngày việc áp dụng mức thuế cao đối với một số đối tác như Việt Nam (46%), Campuchia (49%) và Liên minh châu Âu (20%)... nhằm tạo dư địa đàm phán, tuy nhiên chính sách thuế quan cứng rắn của Mỹ vẫn gây ra một làn sóng trả đũa dữ dội từ các nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Canada, Liên minh châu Âu (EU)... Diễn biến này làm dấy lên lo ngại về một cuộc chiến thương mại kéo dài, có thể gián đoạn dòng chảy thương mại toàn cầu và đẩy kinh tế thế giới tiến gần hơn tới nguy cơ suy thoái nghiêm trọng.

Trước tình hình bất ổn ngày càng leo thang, thị trường tài chính toàn cầu đã chứng kiến làn sóng bán tháo dữ dội. Các chỉ số lớn như Dow Jones, Nasdaq, Hang Seng, DAX và Kospi đồng loạt lao dốc. Trong khi đó, giá vàng tiếp tục đà tăng mạnh mẽ, liên tiếp thiết lập các mức giá cao kỷ lục mới, nhờ được thúc đẩy bởi làn sóng trú ẩn an toàn của giới đầu tư.

DIỄN BIẾN GIÁ VÀNG THẾ GIỚI TỪ THÁNG 12/2024 ĐẾN THÁNG 4/2025

Đơn vị tính: USD/oz



Nguồn: Trading Economics

Đáng chú ý, trong tháng qua, đồng đô la Mỹ (USD) tiếp tục suy yếu mạnh so với các đồng tiền chủ chốt như euro, yên Nhật, bảng Anh, đô la Canada... đã tạo thêm áp lực lên các thị trường mới nổi, vốn phụ thuộc nhiều vào USD trong thương mại và vay nợ quốc tế. Hệ quả là các nền kinh tế đang phát triển phải đối mặt với gánh nặng nợ công ngày càng tăng, do chi phí trả nợ nước ngoài cao hơn và dòng vốn đầu tư trực tiếp (FDI) giảm mạnh, khi các nhà đầu tư toàn cầu trở nên thận trọng hơn.

DIỄN BIẾN CHỈ SỐ DOLLAR INDEX THÁNG 12/2024 ĐẾN THÁNG 4/2025

Đơn vị tính: U.S Dollar Index



Chỉ số Dollar Index đo lường giá trị của đồng đô la Mỹ so với rổ 6 loại tiền tệ gồm: euro, yên Nhật, bảng Anh, đô la Canada, krona Thụy Điển và franc Thụy Sĩ

Nguồn: Trading Economics

Trong bối cảnh kinh tế thế giới đang đối mặt với nhiều thách thức lớn như lạm phát kéo dài, căng thẳng địa chính trị ngày một sâu sắc và môi trường kinh tế toàn cầu bất ổn, các chính sách thuế mới của Mỹ, với xu hướng đẩy mạnh áp thuế đối với các tập đoàn đa quốc gia và hàng hóa nhập khẩu, nếu kéo dài, sẽ làm tăng nguy cơ đẩy chi phí thương mại toàn cầu lên cao, giảm hiệu quả chuỗi cung ứng và gây ra sự dịch dòng vốn đầu tư. Điều này không chỉ khiến sự phân mảnh trong hệ thống kinh tế quốc tế gia tăng, mà còn kìm hãm tăng trưởng, làm suy giảm sản xuất và chậm lại quá trình phục hồi kinh tế toàn cầu.

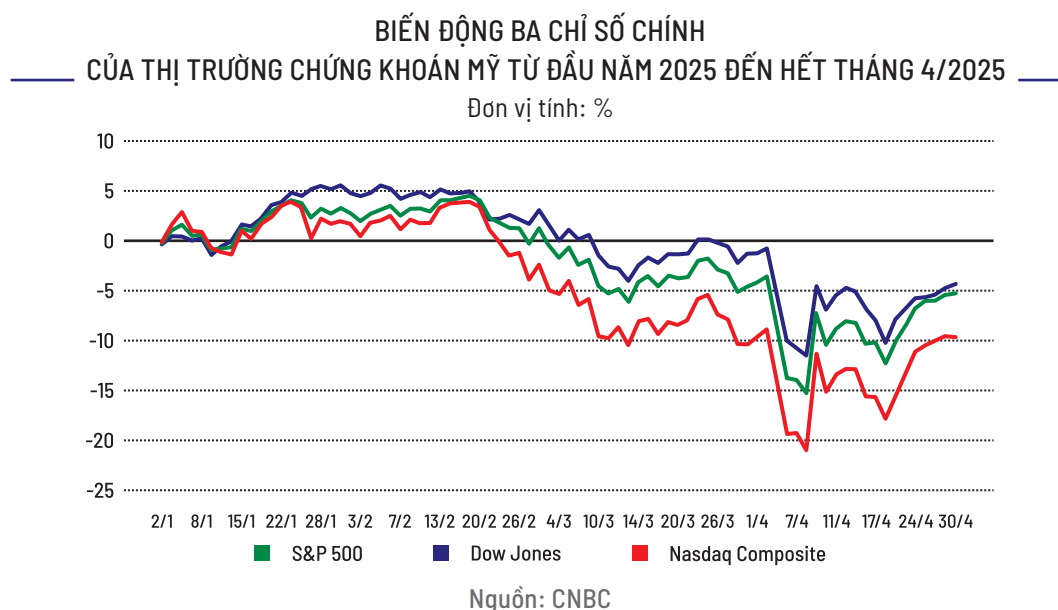
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

■ Mỹ

Kinh tế Mỹ trong tháng 4/2025 tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức khi lĩnh vực sản xuất suy yếu rõ rệt do tác động từ chính sách thuế quan mới của Tổng thống Donald Trump, đặc biệt là mức thuế nhập khẩu cơ bản 10% áp dụng rộng rãi đã đẩy chi phí đầu vào tăng mạnh.

Chỉ số PMI sản xuất tháng 4/2025 đạt 50,2 điểm - không thay đổi so với tháng 3/2025. Mặc dù vẫn trên mức trung tính 50,0 điểm trong tháng thứ tư liên tiếp, chỉ số PMI sản xuất một lần nữa báo hiệu sự mở rộng không đáng kể.

Trong khi đó, thị trường chứng khoán Mỹ chứng kiến sự bán tháo mạnh sau khi ông Trump công bố kế hoạch thuế quan đáp trả vào ngày 2/4. Dù các chỉ số có phần hồi phục vào cuối tháng, nhưng so với tháng trước, chỉ số S&P 500 vẫn giảm 0,8% và Dow Jones mất 3,2%, trong khi Nasdaq Composite tăng nhẹ 0,9%.

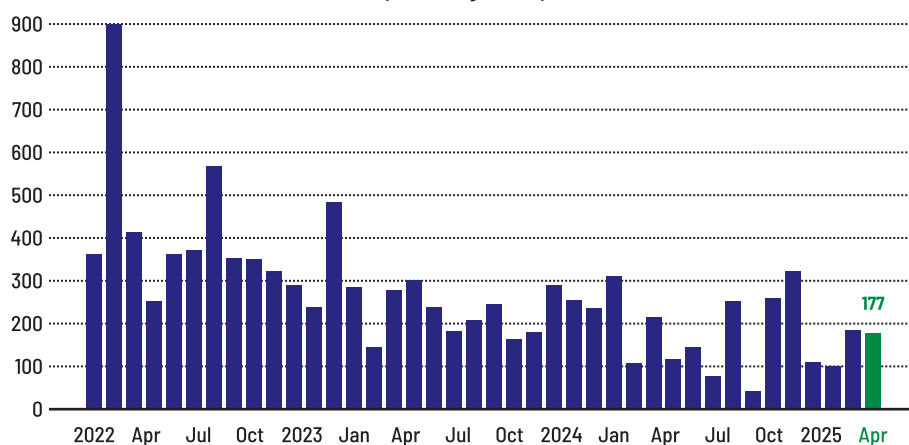


Bên cạnh đó, giá trị đồng đô la Mỹ (USD) tiếp tục giảm so với các loại tiền tệ quốc tế khác, gây lo ngại cho các nhà đầu tư nước ngoài đang nắm giữ tài sản Mỹ. Nhiều dòng vốn bắt đầu dịch chuyển sang thị trường bất động sản châu Âu như một lựa chọn thay thế an toàn hơn, trong bối cảnh lo ngại về chính sách thuế quan và bất ổn chính trị gia tăng.

Mặc dù chịu áp lực từ chính sách thuế, thị trường lao động Mỹ vẫn cho thấy sự phục hồi đáng chú ý với 177.000 việc làm được tạo ra trong tháng 4, vượt xa dự báo và giữ tỷ lệ thất nghiệp ổn định ở mức 4,2%. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp bắt đầu tỏ ra lo ngại về xu hướng chi phí leo thang và sự bất định trong chính sách, có thể dẫn đến làn sóng cắt giảm lao động trong thời gian tới.

SỐ VIỆC LÀM KINH TẾ MỸ TẠO RA TỪ THÁNG 1/2022 ĐẾN THÁNG 4/2025

Đơn vị tính: Nghìn việc làm

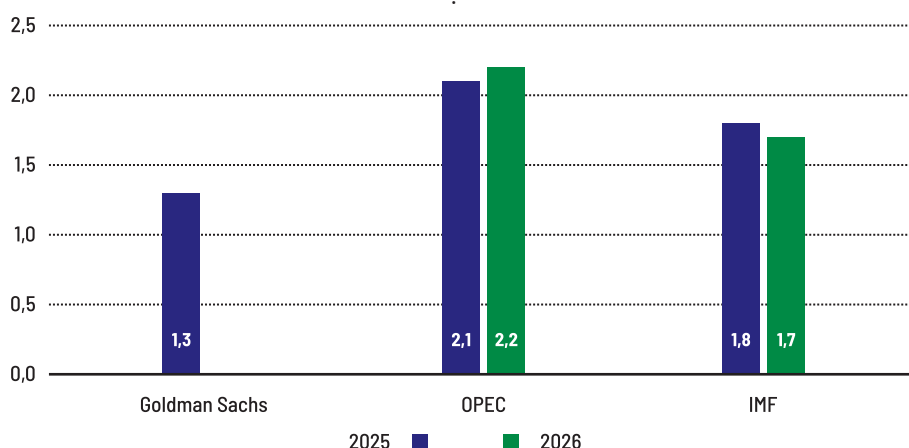


Nguồn: Cục Thống kê Lao động Mỹ

Trước những biến động hiện tại, nhiều tổ chức quốc tế tiếp tục điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ trong năm 2025. Ngày 6/4, Goldman Sachs đã hạ mức dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ từ 1,5% trước đó xuống còn 1,3%. Trong khi đó, ngày 14/4, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) lại có nhận định lạc quan hơn khi giữ mức dự báo ở 2,1% cho năm 2025 và 2,2% cho năm 2026. Cùng chung quan điểm thận trọng với Goldman Sachs, ngày 22/4, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cũng hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ từ 2,7% xuống còn 1,8% và dự báo sẽ tiếp tục giảm xuống 1,7% trong năm 2026.

DỰ BÁO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ MỸ GIAI ĐOẠN 2025 - 2026

Đơn vị tính: %



Nguồn: Goldman Sachs, OPEC, IMF

■ Trung Quốc

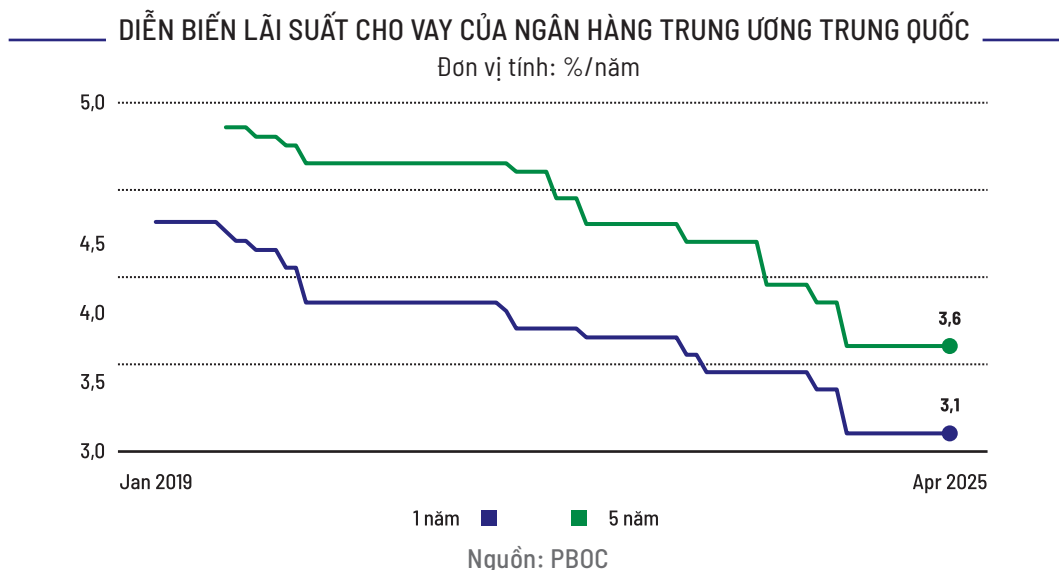
Kinh tế Trung Quốc có dấu hiệu suy yếu khi sản xuất và tiêu dùng đồng loạt chậm lại, xuất khẩu suy giảm rõ rệt và thị trường việc làm có dấu hiệu thu hẹp trong tháng qua. PMI sản xuất tháng 3/2025 đạt 50,4 điểm, giảm 0,8 điểm so với tháng 3/2025 (51,2 điểm). Đây là mức thấp nhất được ghi nhận kể từ tháng 01/2025 và là tháng thứ bảy liên tiếp chỉ số này đạt trên mức trung tính 50,0, báo hiệu sự cải thiện điều kiện của ngành sản xuất vẫn tiếp tục tăng dù có chậm lại so với tháng trước.

Sức cầu yếu cùng với cạnh tranh gay gắt giữa các nhà cung cấp khiến chi phí nguyên liệu đầu vào tiếp tục giảm, trong khi tình trạng logistics trì hoãn và thời gian giao hàng kéo dài gây thêm áp lực lên chuỗi cung ứng.

Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung tiếp tục leo thang sau khi chính quyền Tổng thống Donald Trump ban hành mức thuế kết hợp lên tới 245% đối với hàng hóa Trung Quốc, đã khiến các đơn hàng xuất khẩu giảm mạnh. Đáp trả, Trung Quốc đã đánh thuế lên hàng hóa Mỹ tới 125% và hạn chế xuất khẩu các khoáng sản chiến lược, bao gồm bảy loại đất hiếm quan trọng phục vụ ngành công nghệ cao. Đồng thời, Trung Quốc cũng siết chặt đầu tư ra nước ngoài, đặc biệt vào thị trường Mỹ.

Ngoài ra, trong tháng qua, thị trường bất động sản Trung Quốc vẫn tiếp tục diễn biến âm ỉ khi giá nhà tại nhiều thành phố lớn giảm sâu hơn và lượng giao dịch vẫn ở mức thấp. Cùng lúc, thị trường chứng khoán cũng lao dốc do tâm lý nhà đầu tư bi quan trước những rủi ro địa chính trị và triển vọng tăng trưởng suy yếu.

Mặc dù chịu nhiều sức ép, ngày 21/4, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) vẫn quyết định giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn 1 năm và 5 năm lần lượt ở mức 3,1% và 3,6%, trong bối cảnh đồng nhân dân tệ đang chịu áp lực mất giá.



Để đối phó với những tác động từ căng thẳng thương mại, ngày 26/4, Bộ Chính trị Trung Quốc khẳng định sẽ đẩy mạnh chính sách tài khóa chủ động, đồng thời thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng một cách thận trọng, trong đó có thể bao gồm cắt giảm lãi suất và tỷ lệ dự trữ bắt buộc. Đặc biệt, các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi thuế quan sẽ được hỗ trợ thông qua các chính sách an sinh và tín dụng ưu đãi. Song song đó, Trung Quốc tiếp tục nỗ lực thúc đẩy phát triển mô hình kinh tế tầm thấp tại các địa phương, tăng cường hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới và đẩy mạnh ứng dụng robot cùng công nghệ tự động hóa vào sản xuất nhằm tăng năng suất và bù đắp chi phí lao động gia tăng. Ngoài những biện pháp trên, ngày 30/4, Quốc hội Trung Quốc cũng đã thông qua Luật Thúc đẩy Kinh tế Tư nhân, qua đó thể hiện sự nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư và khẳng định vai trò quan trọng của khu vực tư nhân trong nền kinh tế quốc gia.

Bất chấp những nỗ lực thúc đẩy kinh tế và ổn định tâm lý thị trường từ phía chính phủ Trung Quốc, các tổ chức quốc tế vẫn tiếp tục đưa ra các dự báo thận trọng về triển vọng kinh tế Trung Quốc. Ngày 9/4, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự báo tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc năm 2025 chỉ đạt 4,7% và giảm còn 4,3% vào năm 2026. Trong khi đó, ngày 22/4, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cũng hạ dự báo tăng trưởng của Trung Quốc xuống còn 4% cho cả năm 2025 và 2026, do lo ngại về những tác động kéo dài từ xung đột thương mại và các vấn đề nội tại như tiêu dùng yếu, bất động sản trì trệ và tốc độ già hóa dân số nhanh.

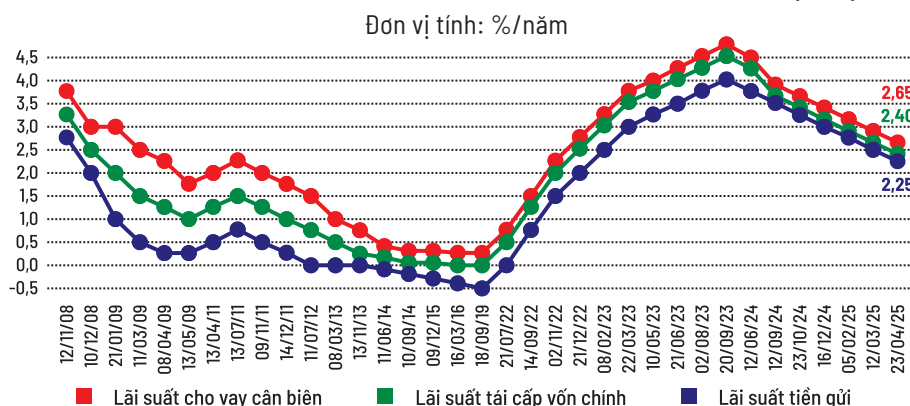
■ EU

Tình hình kinh tế khu vực Liên minh châu Âu (EU) tiếp tục gặp khó khăn, đặc biệt là trong ngành sản xuất và dịch vụ trong tháng 4/2025. Ngành sản xuất trong khu vực đồng tiền chung châu Âu vẫn duy trì trạng thái suy yếu. Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) sản xuất tháng 4/2025 đạt 49,0 điểm, tăng 0,4 điểm so với tháng 3/2025 (đạt 48,6 điểm), mức tăng cao nhất trong vòng 32 tháng cho thấy mức độ suy giảm của sản xuất khu vực EU đang chậm lại đáng kể mặc dù chỉ số vẫn đang ở dưới mức trung tính.

Trong bối cảnh áp lực gia tăng lên tăng trưởng và tiêu dùng nội khối, ngày 17/4, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã quyết định hạ lãi suất 0,25 điểm phần trăm. Cụ thể, lãi suất tiền gửi giảm từ 2,50% xuống còn 2,25%, trong khi lãi suất tái cấp vốn chính và lãi suất cho vay cận biên cũng được điều chỉnh giảm. ECB cho biết quyết định này được đưa ra nhằm ứng phó với triển vọng tăng trưởng yếu và rủi ro leo thang từ căng thẳng thương mại với Hoa Kỳ, bất chấp những lo ngại chưa dứt về tình hình lạm phát.

Đặc biệt, trong tháng qua, đồng euro đã ghi nhận mức tăng mạnh tới 5,3% so với tháng trước, phần nào cho thấy niềm tin ngắn hạn của thị trường vào sự ổn định của đồng tiền chung châu Âu. Tuy nhiên, việc tăng giá quá nhanh cũng kéo theo nhiều hệ lụy, như làm giảm sức cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu EU do giá bán trở nên cao hơn trên thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, chi phí du lịch tại châu Âu tăng lên khiến khu vực này trở nên kém hấp dẫn hơn với du khách quốc tế, đặc biệt là từ Mỹ, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến ngành du lịch vốn đang trong quá trình phục hồi.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT CỦA NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG CHÂU ÂU (ECB)



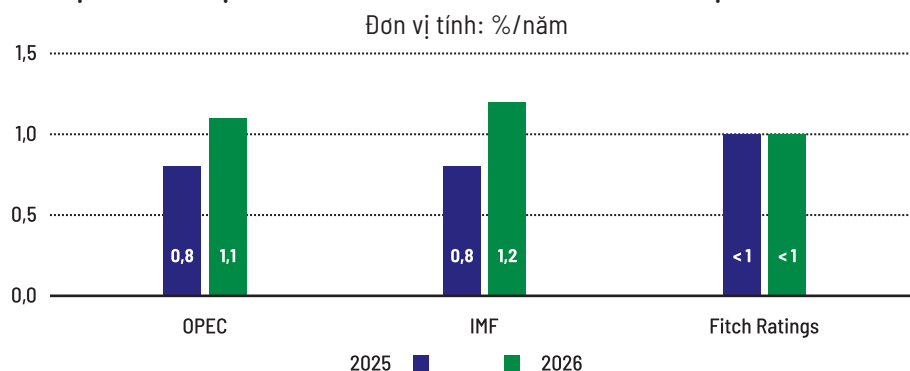
Nguồn: ECB

Bên cạnh đó, giá năng lượng tiếp tục là một thách thức nghiêm trọng với nền kinh tế châu Âu, do phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu, đặc biệt là LNG từ Mỹ. Tình trạng mất cân đối giữa cung và cầu, cộng với căng thẳng địa chính trị và xung đột thương mại kéo dài, đã khiến giá năng lượng tại châu Âu vọt lên mức cao nhất trong hai năm qua, khiến các ngành công nghiệp then chốt như thép phải đối mặt với áp lực chi phí lớn, làm suy giảm sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Mặt khác, dù Mỹ đã tạm dừng phần lớn các mức thuế quan đối ứng, một số mức thuế vẫn được giữ nguyên, trong khi sự biến động trên thị trường tài chính khiến doanh nghiệp và nhà đầu tư ngày càng lo ngại. Dòng vốn đầu tư tiếp tục có dấu hiệu rút khỏi khu vực, làm gia tăng bất ổn và ảnh hưởng tiêu cực tới niềm tin kinh doanh và đầu tư dài hạn.

Về triển vọng tăng trưởng trong thời gian tới, ngày 14/4, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) dự báo nền kinh tế khu vực EU chỉ tăng trưởng 0,8% trong năm 2025 và 1,1% vào năm 2026. Tương tự, ngày 22/4, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cũng đưa ra nhận định tương đồng, IMF dự báo tăng trưởng kinh tế khu vực đồng tiền chung eurozone sẽ đạt 0,8% trong năm 2025 và có thể cải thiện lên 1,2% vào năm 2026. Tuy nhiên, một số tổ chức xếp hạng tín nhiệm như Fitch tỏ ra bi quan hơn, khi dự báo tăng trưởng kinh tế của khu vực EU nhiều khả năng sẽ tiếp tục mắc kẹt dưới mức 1% trong vài năm tới, nếu các yếu tố rủi ro vĩ mô không được kiểm soát hiệu quả.

DỰ BÁO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CHÂU ÂU GIAI ĐOẠN 2025 - 2026



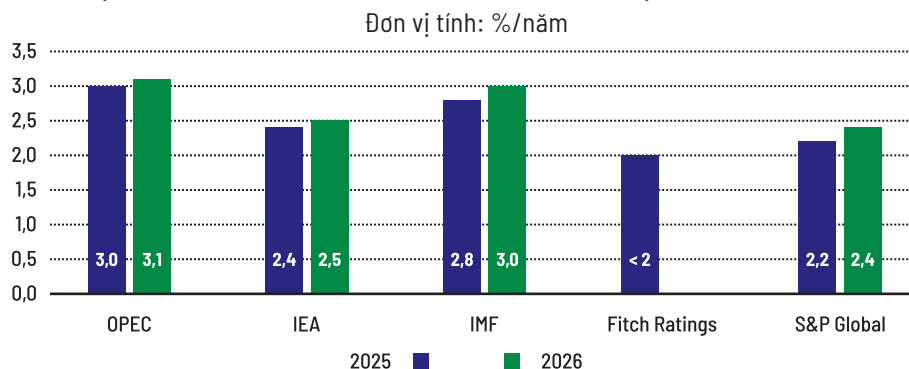
Nguồn: OPEC, IMF, Fitch

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều yếu tố bất định như xung đột kéo dài tại Ukraine, tình hình bất ổn tại Trung Đông, căng thẳng thương mại leo thang giữa Mỹ và Trung Quốc, đặc biệt dưới tác động của các chính sách thuế quan của Tổng thống Mỹ Donald Trump, tháng 4/2025 ghi nhận loạt dự báo khá tương đồng của các tổ chức quốc tế hàng đầu. Hầu hết các tổ chức đều hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2025-2026 xuống mức từ dưới 2% đến 3,1%, phản ánh những lo ngại gia tăng về triển vọng tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới, cụ thể:

- Ngày 14/4, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 và 2026 xuống còn lần lượt 3% và 3,1%.
- Ngày 15/4, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới xuống còn lần lượt 2,4% và 2,5% cho hai năm 2025 và 2026. IEA cho rằng tăng trưởng chậm lại không chỉ do nhu cầu năng lượng suy yếu, mà còn do niềm tin đầu tư toàn cầu sụt giảm trong bối cảnh môi trường chính sách thiếu ổn định.
- Ngày 22/4, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cũng hạ dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu xuống còn 2,8% cho năm 2025 và 3% cho năm 2026, thấp hơn đáng kể so với các dự báo trước đó, đồng thời nhấn mạnh rằng các rủi ro địa chính trị, biến động giá cả và xu hướng bảo hộ thương mại có thể tiếp tục gây sức ép lên nền kinh tế toàn cầu trong trung hạn.
- Tổ chức xếp hạng tín nhiệm Fitch Ratings đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2025 xuống dưới 2% - mức thấp nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính năm 2009, nếu không tính năm 2020 bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19. Nguyên nhân chủ yếu là do mức thuế suất hiệu lực trung bình (Effective Tariff Rate - ETR) của Mỹ đã tăng lên 23%, cao nhất trong hơn một thế kỷ kể từ năm 1909, vượt xa giả định trước đó là 18%.
- Tổ chức phân tích tài chính S&P Global cũng điều chỉnh giảm mạnh dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu, xuống còn 2,2% trong năm 2025 và 2,4% trong năm 2026, thấp hơn đáng kể so với các dự báo trước đó.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN NĂM 2025-2026



Nguồn: Vibiz Monitoring



PHẦN II

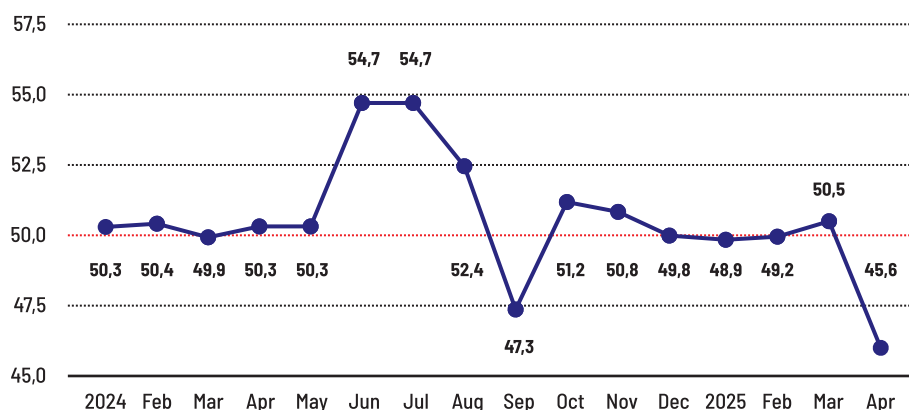
KINH TẾ VIỆT NAM

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 4/2025

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

Trong tháng 4/2025, chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam giảm mạnh 0,9 điểm xuống còn 45,6 điểm từ mức 50,5 điểm của tháng trước, đây là mức thấp nhất trong vòng hơn 1 năm qua, cho thấy sự suy giảm rõ rệt của ngành sản xuất. Sự sụt giảm này chủ yếu do tác động tiêu cực từ việc Mỹ áp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, khiến số lượng đơn đặt hàng mới, xuất khẩu và sản lượng đều giảm mạnh. Đồng thời, việc làm và hoạt động mua hàng cũng bị cắt giảm, phản ánh tâm lý dè dặt của các doanh nghiệp trước viễn cảnh không mấy khả quan.

CHỈ SỐ PMI CỦA VIỆT NAM TỪ THÁNG 1/2024 - 4/2025



Nguồn: S&P Global

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tháng 4/2025 tiếp tục xu hướng tăng trưởng tích cực. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 4/2025 ước tính tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2025, IIP ước tính tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 tăng 6,3%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 10,1%, đóng góp 8,5 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,1%, đóng góp 0,5 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 10,2%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 4,5%, làm giảm 0,7 điểm phần trăm.

1.1.2. Xuất nhập khẩu

Trong tháng 4/2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 74,32 tỷ USD, giảm 1,4% so với tháng trước và tăng 21,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 276,89 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 13,0%; nhập khẩu tăng 18,6%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 3,79 tỷ USD.

■ Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 4/2025 ước đạt 37,45 tỷ USD, giảm 2,8% so với tháng trước và tăng 19,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 140,34 tỷ USD, tăng 13,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 40,74 tỷ USD, tăng 18,1%, chiếm 29,0% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 99,6 tỷ USD, tăng 11,0%, chiếm 71,0%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2025, nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 123,71 tỷ USD, chiếm 88,2%.

■ Nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 4/2025 đạt 36,87 tỷ USD, tương đương với tháng trước và tăng 22,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 136,55 tỷ USD, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 51,26 tỷ USD, tăng 21,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 85,29 tỷ USD, tăng 17,1%.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2025, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước đạt 128,17 tỷ USD, chiếm 93,9%.

Cán cân thương mại hàng hóa sơ bộ tháng 4/2025 xuất siêu 0,58 tỷ USD. Tính chung 4 tháng đầu năm 2025, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 3,79 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 9,06 tỷ USD).

Trong thời gian tới, các chính sách thuế quan mới của Mỹ dự báo sẽ tác động mạnh đến tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam. Nguy cơ Mỹ áp thuế đối ứng đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam đang trở nên hiện hữu khi nhiều mặt hàng chủ lực có kim ngạch trên 1 tỷ USD đang ghi nhận mức chênh lệch thuế đáng kể. Các nhóm hàng như giày dép, đồ chơi thể thao, thủy sản, dệt may và đồ da đang là đối tượng tiềm năng chịu ảnh hưởng, với mức chênh lệch thuế từ 5% đến gần 15%.

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 4/2025, cả nước có hơn 15,2 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, giảm 2,5% so với tháng trước và tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả nước có 7.184 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn,

tăng 63,6% so với tháng trước và giảm 5,7% so với cùng kỳ năm 2024; 8.989 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 83,5% và tăng 93,1%; 1.750 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 18,1% và tăng 37,4%.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2025, cả nước có hơn 89,9 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 9,9% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có gần 22,5 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 96,5 nghìn doanh nghiệp, tăng 12,2% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có hơn 24,1 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

Một yếu tố tích cực là tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 4 tháng đầu năm đạt 1.794,4 nghìn tỷ đồng, tăng tới 91,3% so với cùng kỳ năm 2024. Mức tăng này chủ yếu nhờ vào việc các doanh nghiệp đang hoạt động đã đăng ký tăng thêm gần 1.304,0 nghìn tỷ đồng, tăng 217,1% so với cùng kỳ.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP BỐN THÁNG ĐẦU NĂM 2025 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2024



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.4. Hoạt động đầu tư

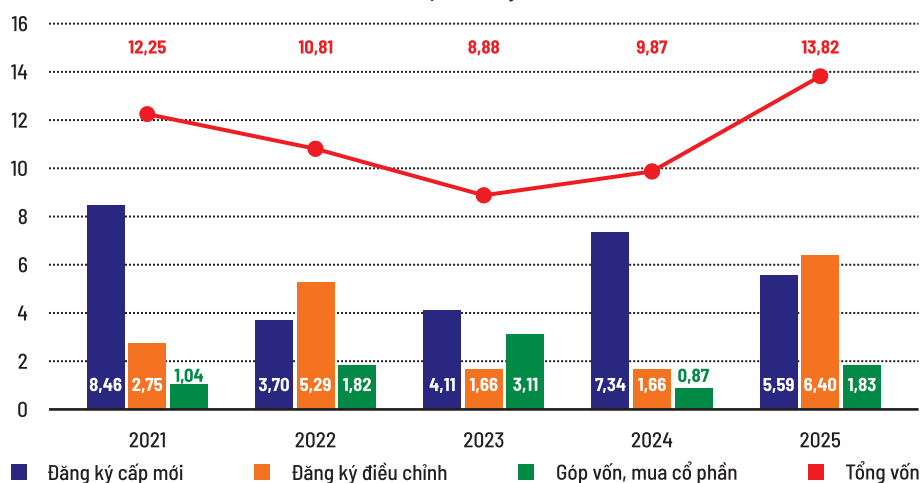
Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 4/2025 ước đạt 48,7 nghìn tỷ đồng, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2025, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 165,6 nghìn tỷ đồng, bằng 18,6% kế hoạch năm và tăng 17,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 bằng 18,0% và tăng 4,4%).

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 30/4/2025 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 13,82 tỷ USD, tăng 39,9% so với cùng kỳ năm trước.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 5/2025

TỔNG VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI ĐĂNG KÝ BỐN THÁNG ĐẦU NĂM

Đơn vị tính: Tỷ USD

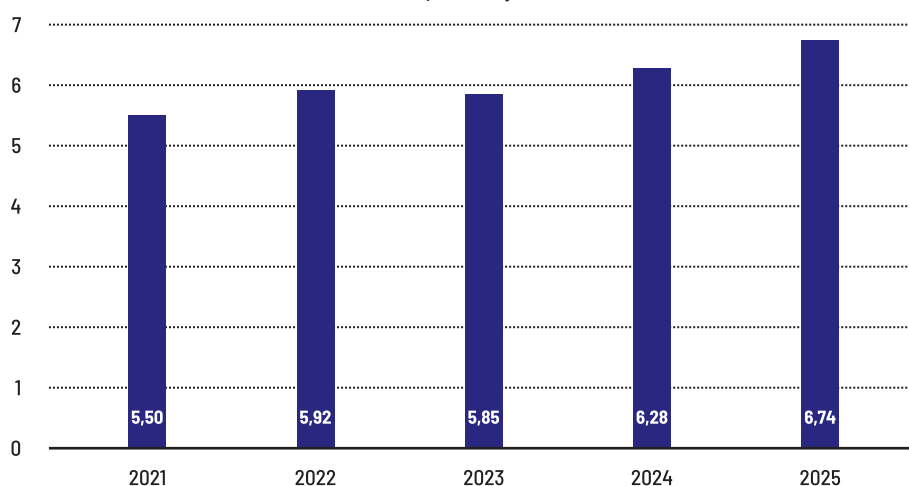


Nguồn: Bộ Tài chính

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 4 tháng đầu năm 2025 ước đạt 6,74 tỷ USD, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước, *ghi nhận mức cao nhất trong vòng 5 năm*.

VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI THỰC HIỆN BỐN THÁNG ĐẦU NĂM

Đơn vị tính: Tỷ USD



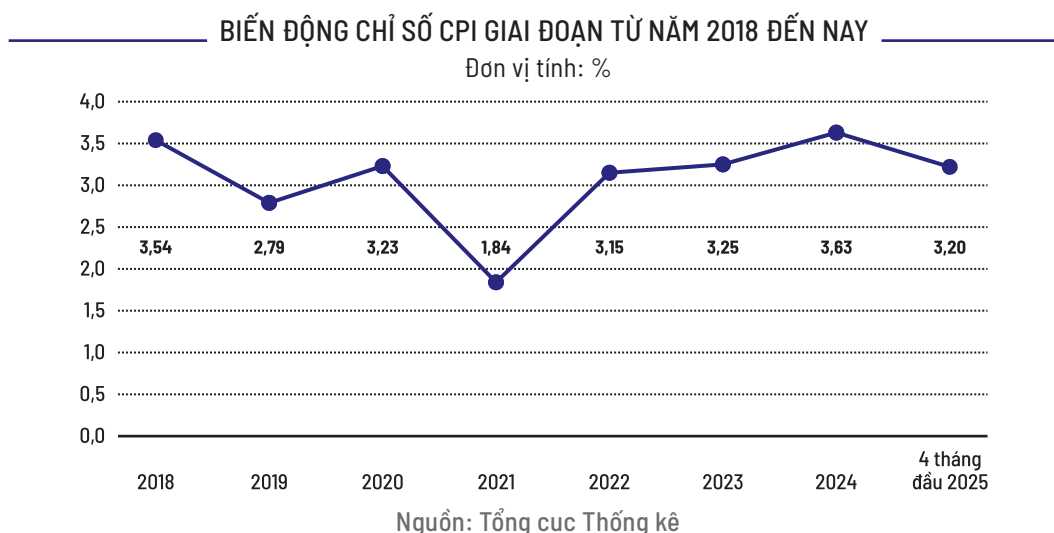
Nguồn: Bộ Tài chính

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 4 tháng đầu năm 2025 có 43 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 269,2 triệu USD, gấp 2,7 lần so với cùng kỳ năm trước; có 12 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 40,1 triệu USD, gấp 69,1 lần. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) 4 tháng đầu năm 2025 đạt 309,3 triệu USD, gấp 3,1 lần cùng kỳ năm trước.

Theo Bộ Tài chính, ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2025 từ đầu năm đến ngày 30/4/2025 là 128.512,9 tỷ đồng, đạt 14,32% kế hoạch, đạt 15,56% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (cùng kỳ năm 2024 đạt 15,64% kế hoạch và đạt 16,64% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao). Trong đó, giải ngân vốn chương trình mục tiêu quốc gia là 4.707,3 tỷ đồng, đạt 21,43% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Bộ Tài chính nhận định, ước giải ngân 4 tháng năm 2025 thấp hơn tỷ lệ giải ngân cùng kỳ năm 2024, nhưng so với tỷ lệ giải ngân 3 tháng đầu năm thì tiến độ giải ngân đã bắt đầu có sự tăng tốc, bắt kịp tiến độ cùng kỳ năm ngoái.

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2025 tăng 0,07% so với tháng trước chủ yếu do giá nhà ở thuê, giá thực phẩm và ăn uống ngoài gia đình tăng. CPI tháng 4/2025 tăng 1,37% so với tháng 12/2024; tăng 3,12% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 4 tháng đầu năm 2025, CPI tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,05%.



1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Tính đến cuối tháng 4/2025, tăng trưởng tín dụng trong nước tiếp tục duy trì đà phục hồi tích cực, phản ánh rõ nét sự hồi sinh của hoạt động sản xuất, tiêu dùng và đầu tư công. Đến ngày 18/4/2025, dư nợ tín dụng toàn hệ thống đạt 16,28 triệu tỷ đồng, tăng 4,27% so với cuối năm 2024, tăng 18,25% so với cùng kỳ năm 2024 (cùng kỳ năm 2024, dư nợ tín dụng tăng 1,48% so với tháng 12/2023). Mặt bằng lãi suất vẫn ở mức thấp đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn vay, đặc biệt trong các lĩnh vực ưu tiên như công nghiệp chế biến - chế tạo, nông nghiệp công nghệ cao và hạ tầng giao thông.

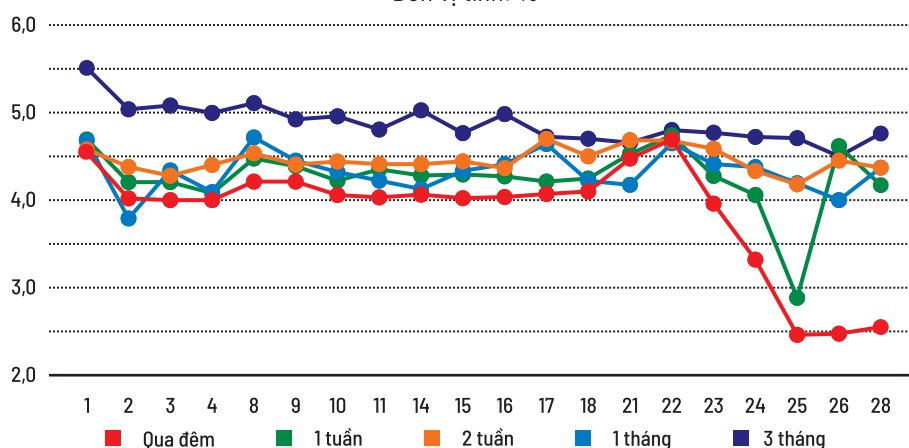
Bên cạnh đó, tín dụng tiêu dùng cũng ghi nhận tín hiệu tích cực nhờ niềm tin người tiêu dùng phục hồi và thị trường bán lẻ sôi động.

1.2.2. Lãi suất

Trong tháng 4/2025, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) áp dụng lãi suất tái chiết khấu ở mức 3%, lãi suất tái cấp vốn 4,5%. Bên cạnh đó, trong tháng qua, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng có sự phân hóa rõ nét giữa các kỳ hạn. Ở đầu tháng, toàn bộ các mức lãi suất giao dịch ổn định trong khoảng 4,3 - 5,5%. Giữa tháng, khi thanh khoản được bơm thêm, lãi suất qua đêm và 1 tuần kéo về vùng 4 - 4,2%, trong khi các kỳ hạn dài như 1 tháng và 3 tháng chỉ giảm nhẹ, duy trì quanh mức 4,3 - 4,8%. Đáng chú ý, từ ngày 23 trở đi lãi suất ngắn hạn (qua đêm và 1 tuần) lao dốc mạnh, xuống đáy khoảng 2,4 - 2,9% vào cuối tháng, phản ánh sự dồi dào nguồn vốn ngắn hạn. Ngược lại, các kỳ hạn trung và dài hạn (2 tuần, 1 tháng, 3 tháng) chỉ giảm vừa phải trước khi có dấu hiệu bật tăng nhẹ vào những ngày cuối tháng, riêng kỳ hạn 3 tháng lại có xu hướng giảm mạnh, cho thấy kỳ vọng thị trường về sự ổn định trong dài hạn.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG THÁNG 4/2025

Đơn vị tính: %



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Tính đến tháng 4/2025, tỷ lệ dự trữ bắt buộc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định đối với các loại tiền gửi vẫn không thay đổi so với những tháng trước. Cụ thể:

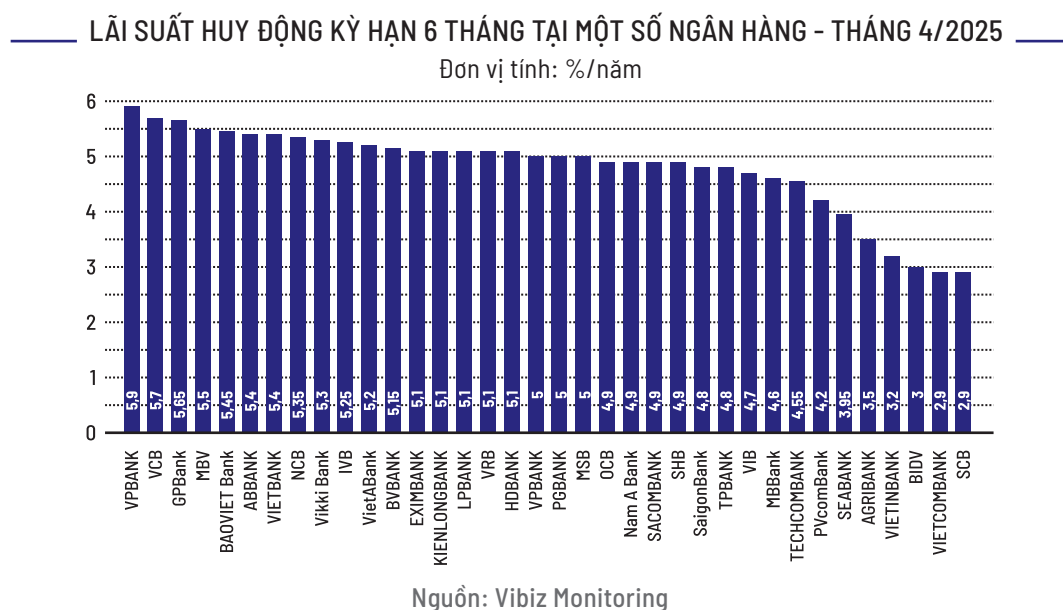
TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC THÁNG 4/2025

LOẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG	Tiền gửi VND		Tiền gửi ngoại tệ		
	Không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Tiền gửi của tổ chức tín dụng ở nước ngoài	Tiền gửi khác không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Tiền gửi khác có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên
Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô	0%	0%	0%	0%	0%
Ngân hàng chính sách	Theo quy định của Chính phủ				
Agribank; Ngân hàng hợp tác xã	3%	1%	1%	7%	5%
Tổ chức tín dụng khác	3%	1%	1%	8%	6%

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Đối với lãi suất huy động: Trong tháng 4/2025, đã có 9 ngân hàng giảm lãi suất tiền gửi, gồm: VPBank, MB, Eximbank, Nam A Bank, OCB, VCBNeo, GPBank, Techcombank và Viet A Bank.

Lãi suất tiền gửi với kỳ hạn 3 tháng dao động từ 1,9% - 4,5%. Đối với kỳ hạn 6 tháng, mức lãi suất phổ biến trong khoảng 2,9% - 5,9%. Trong khi đó, lãi suất kỳ hạn 12 tháng có biên độ dao động từ 3,7% - 9%.



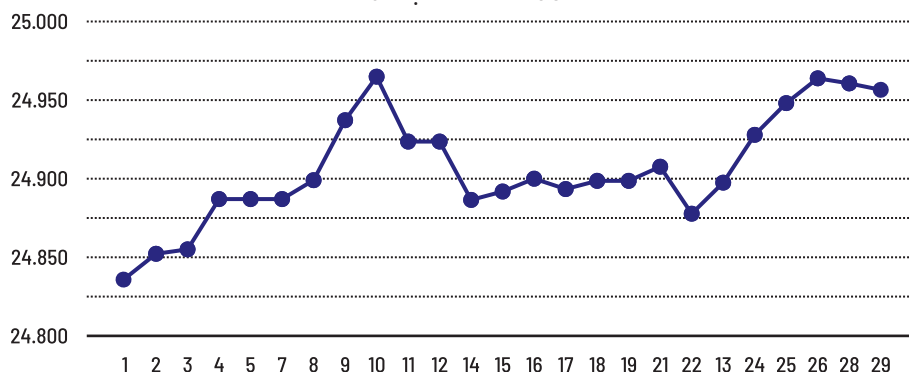
1.2.3. Tỷ giá

Trong tháng 4/2025, tỷ giá trung tâm USD/VND có xu hướng dao động và tăng nhẹ dưới tác động của cung - cầu ngoại tệ trong nước và các chính sách thuế mới của Tổng thống Mỹ. Ngày 9/4, sau khi Tổng thống Trump tuyên bố áp thuế đối ứng, tỷ giá tăng nhanh lên mức 26.066 VND/USD tăng 2,31% so với cuối năm 2024. Tuy nhiên, sau khi chính quyền Tổng thống Trump tuyên bố tạm hoãn các chính sách thuế quan mới công bố, tỷ giá có xu hướng giảm nhanh. Đến ngày 22/4, tỷ giá giao dịch quanh mức 25.926 VND/USD (tăng 1,76% so với cuối năm 2024). Đến ngày 30/4, tỷ giá hạ nhẹ, phản ánh cả tín hiệu điều hành linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước và những kỳ vọng về sự thay đổi trong chính sách thuế của Mỹ trong thời gian tới.

Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 24.974 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 4/2025 tăng 0,97% so với tháng trước; tăng 3,17% so với cùng kỳ năm trước; tăng 1,9% so với tháng 12/2024; bình quân 4 tháng đầu năm 2025, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 3,52%.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ TRUNG TÂM VND VỚI ĐỒNG USD THÁNG 4/2025

Đơn vị tính: VND/USD



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

1.2.4. Chứng khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong tháng 4/2025 ghi nhận nhiều biến động mạnh, diễn biến đồng pha với các chỉ số lớn trên thế giới như Dow Jones và S&P 500, phản ánh tâm lý nhà đầu tư toàn cầu đang chịu tác động từ căng thẳng thương mại Mỹ - Trung và các biện pháp phòng vệ thương mại. Đặc biệt, thông tin Mỹ công bố kế hoạch áp thuế đối ứng lên tới 46% đối với một số mặt hàng xuất khẩu từ Việt Nam đã trở thành cú sốc đối với giới đầu tư trong nước, kích hoạt làn sóng bán tháo và đẩy chỉ số VN-Index lùi về vùng 1.070 điểm trong một số phiên.

Tuy nhiên, sau đó thị trường dần ổn định trở lại nhờ các tín hiệu tích cực như việc Việt Nam bắt đầu đàm phán thương mại với Mỹ và căng thẳng Mỹ - Trung có dấu hiệu hạ nhiệt. Sự kiện hệ thống giao dịch mới KRX đi vào vận hành cũng góp phần hỗ trợ kỹ thuật cho thị trường, giúp VN-Index hồi phục và dao động tích lũy quanh vùng 1.200 - 1.240 điểm.

Đáng chú ý, giá trị giao dịch trung bình một phiên trong tháng qua đạt khoảng 21.800 tỷ đồng, tăng 20,4% so với tháng trước. Tổng giá trị giao dịch bình quân phiên trên 3 sàn đạt 25.569 tỷ đồng trong tháng 4/2025.

Xét theo quy mô giao dịch, thanh khoản tiếp tục gia tăng trên diện rộng, đáng chú ý là ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, thép, xây dựng, bán lẻ, thực phẩm, công nghệ thông tin, thiết bị điện. Ngược lại, nhóm có thanh khoản giảm bao gồm hóa chất, vận tải thủy, dầu khí, dệt may, chuyển phát nhanh.

Thị trường chứng khoán trong thời gian tới dự báo sẽ giữ xu hướng tích cực nhưng dòng tiền sẽ phân hóa theo nền tảng doanh nghiệp, đặc biệt là kết quả kinh doanh quý I/2025 và thông tin từ mùa đại hội cổ đông. Bên cạnh đó, nhóm ngành năng lượng được dự báo được hưởng lợi lớn từ việc Quy hoạch Điện VIII điều chỉnh, gồm các doanh nghiệp như: Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (GEG), Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (POW)... Ngoài ra, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (TV2) và Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (PC1) cũng có tiềm năng tăng trưởng nhờ cung ứng thiết bị, dịch vụ cho ngành điện. Dự báo thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 xoay quanh hai kịch bản chính:

- **Kịch bản tích cực:** VN-Index vượt thành công vùng 1.240-1.250 điểm, tiến tới 1.270 điểm nếu dòng tiền tiếp tục lan tỏa, nhóm cổ phiếu dẫn dắt duy trì sức mạnh, đặc biệt là nhóm năng lượng, bất động sản và ngân hàng.
- **Kịch bản tiêu cực:** Thị trường dao động quanh vùng 1.200-1.240 điểm do áp lực từ chính sách tiền tệ thắt chặt hơn, lãi suất quốc tế chưa hạ mạnh. Dòng tiền đầu tư sẽ có xu hướng tập trung vào nhóm doanh nghiệp có nền tảng vững chắc, hưởng lợi từ chính sách vĩ mô rõ ràng như năng lượng, xây dựng hạ tầng và xuất khẩu.

1.2.5. Chỉ số giá vàng

Số liệu Cục Thống kê công bố sáng 6/5 cho thấy, giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 28/4, **bình quân giá vàng thế giới ở mức hơn 3.220 USD/ounce, tăng 7,33% so với tháng 3/2025.**

Trong tháng 4, giá vàng thế giới tiếp tục tăng mạnh và lập đỉnh mới do bất ổn địa chính trị kéo dài, từ chiến sự tại Ukraine, căng thẳng ở Trung Đông đến mâu thuẫn thương mại leo thang giữa Mỹ và Trung Quốc đã làm gia tăng tâm lý phòng ngừa rủi ro, thúc đẩy nhu cầu trú ẩn vào vàng. Cùng với đó, hoạt động mua vàng ồ ạt từ các ngân hàng Trung ương, đặc biệt là ở châu Á và Trung Đông, cùng với kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) sẽ cắt giảm lãi suất đã góp phần đẩy giá vàng lên cao.

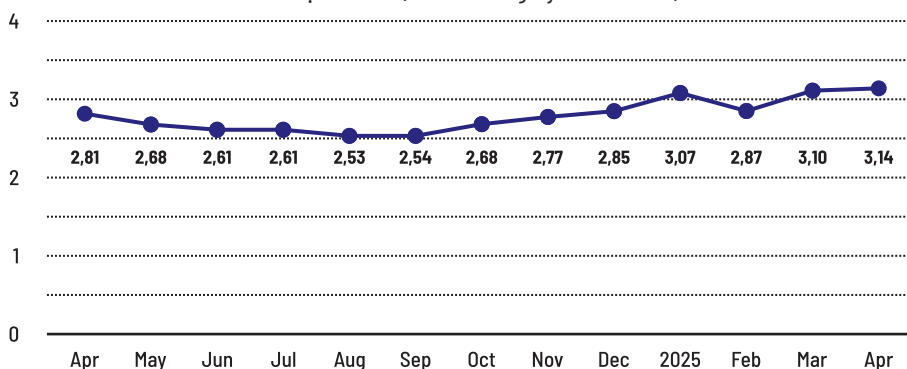
Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 4 tăng 10,54% so với tháng trước; tăng 37,14% so với cùng kỳ năm trước và tăng 22,43% so với tháng 12/2024. **Bình quân 4 tháng đầu năm nay, chỉ số giá vàng tăng 32,85%.**

1.2.6. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 4/2025 tăng 0,21% so với tháng trước và tăng 3,14% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 4 tháng đầu năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,05% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,2%) chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

LẠM PHÁT CƠ BẢN CÁC THÁNG ĐẾN THÁNG 4/2025

Đơn vị tính: % (so với cùng kỳ năm trước)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

▪ Bốn quy định mới về kinh doanh xăng dầu từ ngày 02/05/2025

Từ 02/05/2025, Thông tư 18/2025/TT-BCT của Bộ Công Thương chính thức có hiệu lực. Dưới đây là 4 quy định mới quan trọng:

Sửa đổi mặt hàng xăng dầu công bố giá cơ sở

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Thông tư 18/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 1 Thông tư 17/2021/TT-BCT về điều hành giá xăng dầu:

Các mặt hàng xăng dầu nhà nước công bố giá cơ sở là những mặt hàng xăng, dầu được tiêu dùng phổ biến trên thị trường gồm xăng sinh học, xăng khoáng, dầu diesel, dầu hỏa, dầu mazut. Bộ Công Thương xác định từng mặt hàng xăng, dầu tiêu dùng nhiều nhất thuộc các nhóm mặt hàng xăng sinh học, xăng khoáng, dầu diesel, dầu hỏa, dầu mazut để thực hiện công bố giá cơ sở.

Trên cơ sở số liệu về các yếu tố cấu thành giá cơ sở xăng dầu theo quy định và ý kiến tham gia điều hành giá xăng dầu của Bộ Tài chính bằng văn bản, Bộ Công Thương công bố giá cơ sở và giá bán xăng dầu.

Như vậy Thông tư 17/2021/TT-BCT quy định rằng các mặt hàng xăng dầu mà Nhà nước công bố giá cơ sở gồm xăng sinh học, xăng khoáng, dầu diesel, dầu hỏa và dầu mazut. Bộ Công Thương sẽ xác định các mặt hàng tiêu dùng phổ biến thuộc nhóm này để công bố giá cơ sở.

Thông tư 18/2025/TT-BCT giữ nguyên quy định trên nhưng điều chỉnh một số chi tiết về cách thức Bộ Công Thương xác định các mặt hàng tiêu dùng phổ biến để công bố giá cơ sở.

Báo cáo lượng xăng dầu sản xuất trong nước

Theo Thông tư 18/2025/TT-BCT, định kỳ, trước ngày 29 của tháng cuối quý, thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu báo cáo sản lượng bán xăng dầu trong nước theo từng chủng loại theo Mẫu số 7a tại Phụ lục kèm theo Thông tư 17/2021/TT-BCT trong kỳ từ ngày 21 tháng trước liền kề tháng đầu tiên của quý đến ngày 20 tháng cuối quý về Bộ Công Thương để tổng hợp tính toán, xác định tỉ trọng (%) sản lượng xăng dầu từ nguồn trong nước và nhập khẩu trong công thức giá cơ sở.

Thông tư 18/2025/TT-BCT không có sự thay đổi về yêu cầu báo cáo này, nhưng các bước báo cáo được làm rõ hơn về quy trình và trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

Công bố giá cơ sở và giá bán xăng dầu

Thông tư 17/2021/TT-BCT đã quy định rõ rằng Bộ Công Thương sẽ công bố giá cơ sở và giá bán xăng dầu dựa trên các yếu tố cấu thành giá, cùng với ý kiến tham gia của Bộ Tài chính bằng văn bản.

Thông tư 18/2025/TT-BCT tiếp tục quy định này nhưng bổ sung chi tiết về quy trình và cách thức Bộ Công Thương thực hiện việc công bố giá cơ sở và giá bán xăng dầu.

Thông tư 18/2025/TT-BCT đã làm rõ hơn các quy trình và yêu cầu báo cáo, đồng thời tiếp tục duy trì các nguyên tắc điều hành giá cơ sở xăng dầu đã được quy định trong Thông tư 17/2021/TT-BCT.

Sửa quy định đăng ký tổng nguồn xăng dầu tối thiểu hàng năm

Khoản 3 Điều 1 Thông tư 18/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 1 Thông tư 17/2021/TT-BCT quy định về đăng ký tổng nguồn xăng dầu tối thiểu hàng năm:

Trước ngày 30/11 hàng năm, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu gửi 1 bộ hồ sơ đăng ký tổng nguồn xăng dầu tối thiểu của năm kế tiếp theo quy định tại khoản 25 Điều 1 Nghị định 95/2021/NĐ-CP về Bộ Công Thương (quy định tại Thông tư 17 là trước ngày 15.11 hàng năm)

Trước ngày 31/12 hàng năm, Bộ Công Thương phân giao tổng nguồn xăng dầu tối thiểu cho thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu để thực hiện cho năm sau theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định 95/2021/NĐ-CP. Trường hợp không phân giao tổng nguồn xăng dầu tối thiểu, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp có nhu cầu điều chỉnh tổng nguồn xăng dầu tối thiểu, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu gửi công văn về Bộ Công Thương trước ngày 30.10 hàng năm (theo Thông tư 17 là trước 30.9 hàng năm)

Thông tư 18 còn quy định trong trường hợp tổng nguồn cung dự kiến cả năm của các thương nhân đầu mối sản xuất và thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu đã đảm bảo nhu cầu của thị trường, Bộ Công Thương điều chỉnh tổng nguồn xăng dầu tối thiểu đã giao cho các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu trước ngày 30.11 của năm. Trường hợp không điều chỉnh tổng nguồn xăng dầu tối thiểu, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong trường hợp cần thiết, nhằm bảo đảm nguồn cung xăng dầu cho thị trường trong nước, Bộ Công Thương quy định tiến độ nhập khẩu, mua xăng dầu trong nước hoặc điều chỉnh tăng tổng nguồn xăng dầu tối thiểu để các thương nhân thực hiện.

Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu phải đảm bảo tiến độ thực hiện tổng nguồn xăng dầu tối thiểu được Bộ Công Thương phân giao theo quy định.

■ Đề xuất chuyển quyền công bố giá xăng dầu về doanh nghiệp

Trong dự thảo lần 6 về nghị định kinh doanh xăng dầu, Bộ Công Thương đề xuất chuyển việc công bố giá xăng dầu về cho các thương nhân đầu mối, phân phối. Theo đó, nguyên tắc điều chỉnh giá bán xăng dầu đã được Bộ Công Thương điều chỉnh

hoàn toàn theo hướng thị trường và Nhà nước chỉ can thiệp theo Luật Giá để ổn định thị trường khi có cơ quan có thẩm quyền ban bố tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh và mặt bằng giá thị trường của các mặt hàng xăng dầu có biến động bất thường.

Theo Bộ Công Thương đề xuất giá bán xăng dầu được tính bằng công thức: Chi phí tạo nguồn + chi phí kinh doanh + lợi nhuận + thuế giá trị gia tăng. Trong đó, chi phí tạo nguồn, gồm: chi phí tạo nguồn từ nguồn nhập khẩu, chi phí tạo nguồn từ nguồn trong nước, do thương nhân tự xác định theo thực tế kinh doanh, thay vì Bộ Công Thương sẽ áp khung giá như các dự thảo trước.

Tương tự, chi phí kinh doanh là chi phí lưu thông xăng dầu trong nước thực tế, gồm chi phí bán buôn, chi phí bán lẻ ở nhiệt độ thực tế của thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng.

Lợi nhuận sẽ do thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu tự xác định theo thực tế kinh doanh. Còn thuế giá trị gia tăng sẽ thực hiện theo quy định pháp luật về thuế.

Thương nhân đầu mỗi và thương nhân phân phối sẽ được tự tính toán và công bố giá bán buôn, giá bán lẻ xăng dầu trong và ngoài hệ thống của mình, sau đó thông báo về Bộ Công Thương, UBND cấp tỉnh, Sở Công Thương và Chi cục Quản lý thị trường nơi thương nhân có hệ thống phân phối.

Ngoài ra, thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu sẽ phải kết nối mạng với cơ quan quản lý nhà nước về dữ liệu kê khai giá.

Một nội dung đáng chú ý trong dự thảo lần này là Bộ Công Thương đã thay đổi quan điểm khi quy định, các thương nhân phân phối xăng dầu được mua từ các thương nhân phân phối khác, thay vì 5 dự thảo trước đó đều cấm.

Đặc biệt, với thương nhân bán lẻ xăng dầu, dự thảo quy định, đối tượng này phải ký hợp đồng mua hàng với thương nhân cung cấp xăng dầu (thương nhân đầu mỗi, phân phối).

Về dự trữ lưu thông xăng dầu, dự thảo quy định, thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu phải duy trì dự trữ lưu thông xăng dầu tối thiểu bằng 20 ngày cung ứng, tính theo sản lượng tiêu thụ nội địa bình quân của thương nhân trong một ngày của năm trước liền kề, theo từng chủng loại xăng, dầu.

■ ***Đề xuất giảm 2% thuế VAT đến hết năm 2026 với xăng***

Ngày 23/4, trong phiên họp thứ 44, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thảo luận về dự thảo Nghị quyết giảm thuế VAT cho 6 tháng cuối năm 2025 và năm 2026. Dự thảo nêu rõ, việc giảm thuế VAT sẽ đóng góp vào việc thúc đẩy nền kinh tế, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, đồng thời kích cầu tiêu dùng, sản xuất, kinh doanh và du lịch nội địa. Vì vậy, Chính phủ khuyến nghị tiếp tục áp dụng chính sách giảm thuế VAT trong hai năm tới.

Cụ thể, Chính phủ đề xuất giảm thuế VAT xuống còn 8% (giảm 2%) đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ hiện đang áp dụng mức thuế 10%, ngoại trừ một số ngành như viễn thông, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, sản phẩm kim loại, khai khoáng (trừ than) và hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (ngoại trừ xăng).

Theo đề xuất này của Chính phủ, thuế giá trị gia tăng (VAT) đối với xăng có thể được giảm 2% cho đến hết năm 2026. Chính sách này dự kiến sẽ có hiệu lực từ ngày 1/7/2025 và kéo dài đến hết ngày 31/12/2026.

▪ *Đề xuất đẩy mạnh nhập khẩu cồn Ethanol từ Mỹ để cân bằng cán cân thương mại*

Hiệp hội Nhiên liệu sinh học Việt Nam đã đề xuất tăng cường nhập khẩu cồn Ethanol từ Mỹ nhằm góp phần cân bằng cán cân thương mại của đất nước. Theo nhận định của Hiệp hội, mặc dù Việt Nam mong muốn gia tăng nhập khẩu hàng hóa từ Hoa Kỳ, nhưng do đặc thù kinh tế giữa hai quốc gia, Việt Nam chỉ có thể nhập khẩu một số mặt hàng mà Hoa Kỳ có thể mạnh, như vũ khí, LNG, máy bay, công nghệ cao, nông sản (đặc biệt là ngô và đậu tương) và Ethanol.

Ethanol là mặt hàng mà Hoa Kỳ gần như chiếm ưu thế toàn cầu về sản lượng, sản xuất khoảng 50% tổng sản lượng Ethanol thế giới. Hơn nữa, hơn 50% ngũ cốc của Hoa Kỳ được sử dụng để sản xuất Ethanol và chương trình xăng sinh học của Mỹ đã thành công rực rỡ trong việc hỗ trợ ngành nông sản, đồng thời góp phần bảo vệ an ninh năng lượng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Hệ thống xăng sinh học tại Mỹ yêu cầu pha Ethanol với tỷ lệ từ 10% đến 20% tùy theo từng bang.

Về thuế nhập khẩu Ethanol 99% vào Việt Nam, Hiệp hội Nhiên liệu sinh học Việt Nam cho rằng việc giảm thuế nhập khẩu liên tục từ 15% xuống còn 5% trong thời gian qua là bước tiến đáng chú ý. Tuy nhiên, theo Hiệp hội, để thực sự thúc đẩy nhập khẩu Ethanol từ Mỹ, việc giảm thuế đơn thuần là chưa đủ, bởi hiện nay quy mô tiêu thụ Ethanol tại Việt Nam còn quá nhỏ, chỉ sử dụng cho việc pha 5% Ethanol vào xăng A92, trong khi xăng A92 chỉ chiếm khoảng 15% tổng sản lượng xăng tiêu thụ.

Hiệp hội cho rằng chỉ khi Chính phủ quyết định triển khai ngay chính sách sử dụng 100% xăng sinh học cho cả xăng A92 và A95, với tỷ lệ pha Ethanol tối thiểu là 10% để tạo ra xăng sinh học E10, nhu cầu Ethanol sẽ tăng lên gấp 10 lần so với hiện tại, tương đương với khoảng 1 triệu tấn Ethanol mỗi năm, giá trị gần 1 tỷ USD. Thậm chí, nếu Việt Nam nâng tỷ lệ pha Ethanol lên 20% như các quốc gia khác (Mỹ, Brazil, Philippines, Thái Lan, Châu Âu), nhu cầu nhập khẩu Ethanol từ Mỹ có thể đạt giá trị lên tới 2 tỷ USD, chiếm khoảng 17% giá trị nhập khẩu từ Hoa Kỳ vào Việt Nam, một con số đáng kể.

Bên cạnh đó, Hiệp hội Nhiên liệu sinh học Việt Nam cũng đã có công văn gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đề xuất nhanh chóng triển khai chương trình xăng sinh học E10 toàn phần (tức pha 10% cồn vào cả 2 loại xăng đang lưu thông trên thị trường một cách bắt buộc). Hiệp hội Nhiên liệu sinh học Việt Nam cho rằng sử dụng xăng sinh học không chỉ giúp người tiêu dùng tiết kiệm chi phí mà còn là xu thế phát triển của thế giới, giúp giảm ô nhiễm môi trường và thúc đẩy nền kinh tế nông nghiệp phát triển.

■ **Năm kiến nghị của doanh nghiệp bán lẻ xăng dầu về dự thảo nghị định mới**

Các doanh nghiệp bán lẻ xăng dầu thuộc Hiệp hội doanh nghiệp bán lẻ xăng dầu Việt Nam vừa gửi 5 kiến nghị về dự thảo nghị định về kinh doanh xăng dầu tới Bộ trưởng Công Thương. Dự thảo nghị định này do Bộ Công Thương soạn thảo, khi ban hành sẽ thay thế 3 nghị định: Nghị định số 83/2014/NĐ-CP; Nghị định số 95/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP; Nghị định số 80/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP. Cụ thể 5 kiến nghị gồm:

Thứ nhất, các doanh nghiệp kiến nghị bãi bỏ quy định miễn giấy phép với công ty con của thương nhân đầu mối. Theo họ, mọi doanh nghiệp đều phải đăng ký và được cấp giấy xác nhận để đảm bảo cạnh tranh công bằng.

Thứ hai, doanh nghiệp đề xuất bóc tách rõ chi phí - lợi nhuận từng khâu (đầu mối, phân phối, bán lẻ), đảm bảo bán lẻ được tính đủ chi phí và có lợi nhuận hợp lý. Đồng thời, phải cấm hành vi chuyển giá, ép chiết khấu làm đổ vỡ chuỗi cung ứng.

Thứ ba, doanh nghiệp bán lẻ cần được ký hợp đồng với nhiều nhà cung cấp để tránh phụ thuộc, nâng cao năng lực cạnh tranh và ổn định nguồn hàng.

Thứ tư, giá bán lẻ công bố chỉ nên mang tính tham khảo, cửa hàng bán lẻ phải có quyền điều chỉnh trong khung trần do Nhà nước quy định.

Cuối cùng, cần thống nhất quy đổi xăng dầu nội địa về nhiệt độ chuẩn D15°C như khâu nhập khẩu, nhằm minh bạch và công bằng trong phân phối.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

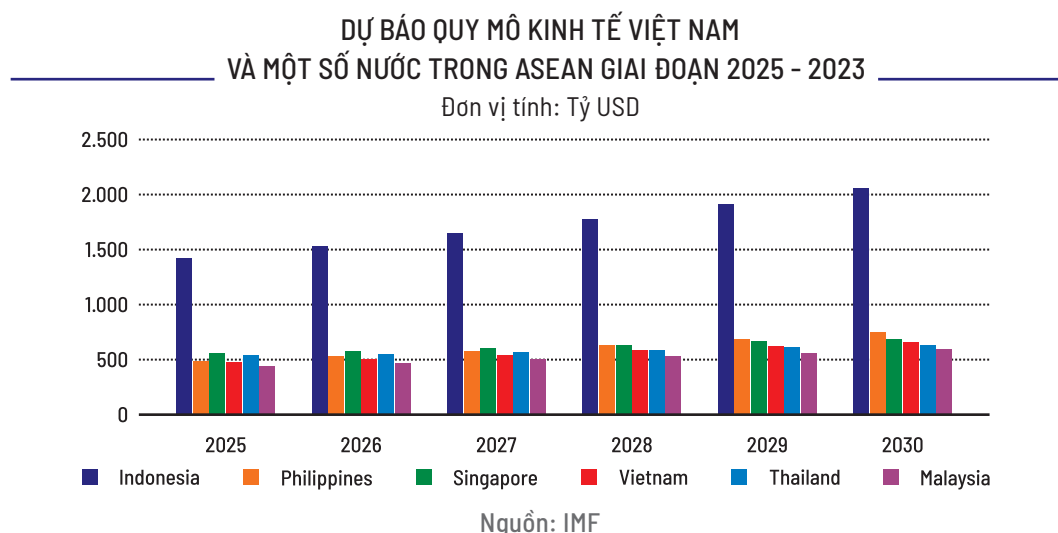
Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều rủi ro, bất ổn, đặc biệt là từ chính sách thuế quan cứng rắn của Mỹ, đa phần tổ chức quốc tế đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2025. Những điều chỉnh này phản ánh sự ảnh hưởng mạnh mẽ từ các yếu tố bên ngoài, trong đó các biện pháp thuế quan của Mỹ đối với Việt Nam đóng vai trò quan trọng, trực tiếp tác động đến hoạt động xuất khẩu và dòng vốn đầu tư vào nền kinh tế Việt Nam.

Ngày 5/4, *Ngân hàng Standard Chartered giữ nguyên dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2025 ở mức 6,7%*. Theo Ngân hàng Standard Chartered, triển vọng kinh tế của Việt Nam vẫn được củng cố nhờ vào sự hội nhập sâu rộng với các mạng lưới thương mại toàn cầu thông qua nhiều hiệp định thương mại tự do đã ký kết, cùng với dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) duy trì ổn định.

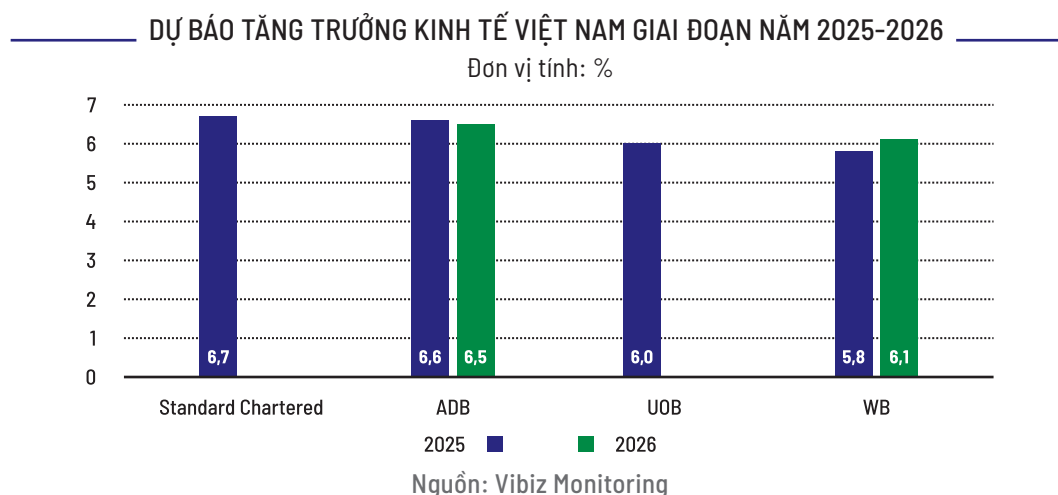
Bên cạnh đó, ngày 9/4, *Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ đạt 6,6% trong năm 2025 và 6,5% trong năm 2026*. Mặc dù duy trì triển vọng tích cực cho Việt Nam trong năm nay và năm sau, ADB cũng nhấn mạnh các rủi ro đối với triển vọng tăng trưởng, do các dự báo này được tính toán trước khi Hoa Kỳ công bố các biện pháp thuế quan gần đây.

Ngày 12/4, Ngân hàng *United Overseas Bank (UOB)* đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2025 xuống còn 6%, thấp hơn 1 điểm phần trăm so với dự báo trước đó là 7%, phản ánh những lo ngại về tác động tiêu cực từ yếu tố kinh tế toàn cầu, đặc biệt là nguy cơ giảm sút dòng vốn FDI vào Việt Nam trong thời gian tới.

Với quan điểm lạc quan hơn, ngày 22/4, *Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF)* dự báo quy mô GDP của Việt Nam sẽ đạt 491 tỷ USD trong năm 2025, xếp thứ 5 trong khu vực Đông Nam Á. IMF cũng ước tính rằng đến năm 2029, quy mô kinh tế Việt Nam sẽ đạt 627 tỷ USD, vượt qua Thái Lan và trở thành nền kinh tế lớn thứ 32 trên thế giới. Những dự báo này cho thấy mặc dù đối mặt với nhiều thách thức, Việt Nam vẫn duy trì được sự ổn định và phát triển dài hạn, củng cố niềm tin vào khả năng phục hồi và phát triển mạnh mẽ trong tương lai.



Trong khi đó, với quan điểm thận trọng hơn, ngày 24/4, Ngân hàng *Thế giới (WB)* đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam từ 6,8% xuống 5,8% trong năm 2025. Đồng thời, WB cũng điều chỉnh triển vọng tăng trưởng kinh tế trong trung hạn xuống còn 6,1% vào năm 2026 và 6,4% vào năm 2027. Mặc dù vậy, WB vẫn duy trì quan điểm lạc quan về khả năng phục hồi của nền kinh tế Việt Nam, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.





THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO



1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ *Cung dầu mỏ:*

Trong tháng 4/2025, nguồn cung dầu mỏ toàn cầu tiếp tục chịu tác động từ các yếu tố địa chính trị và chính sách điều chỉnh sản lượng của các quốc gia sản xuất lớn.

Trong đó, sản lượng dầu thô của OPEC giảm 200.000 thùng/ngày, xuống còn 27,24 triệu thùng/ngày, chủ yếu do sự sụt giảm mạnh từ Venezuela khi các công ty quốc tế như Chevron thu hẹp hoạt động trong bối cảnh lo ngại Mỹ có thể tái áp đặt trừng phạt lên quốc gia này.

Bên cạnh đó, dù OPEC đã đạt thỏa thuận từng bước khôi phục sản lượng, một số thành viên chủ chốt như UAE và Arab Saudi không tận dụng cơ hội để tăng sản lượng. Đáng chú ý, UAE dù được phép vượt hạn ngạch nhưng lại cắt giảm 80.000 thùng/ngày, xuống còn 3,25 triệu thùng/ngày, trong khi Arab Saudi chỉ tăng nhẹ 20.000 thùng/ngày, đạt mức 8,97 triệu thùng/ngày.

Trái ngược với xu hướng của OPEC, Nga tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu dầu thô ra thị trường, đặc biệt sang Trung Quốc và Ấn Độ, nhờ việc tái cơ cấu chuỗi cung ứng vận chuyển để thích ứng với các lệnh trừng phạt mới từ Mỹ.

■ *Cầu dầu mỏ:*

Nhu cầu dầu mỏ toàn cầu tiếp tục duy trì xu hướng tăng trong tháng 4/2025, với trọng tâm là các thị trường châu Á. Trung Quốc và Ấn Độ tiếp tục đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy đà tăng trưởng này.

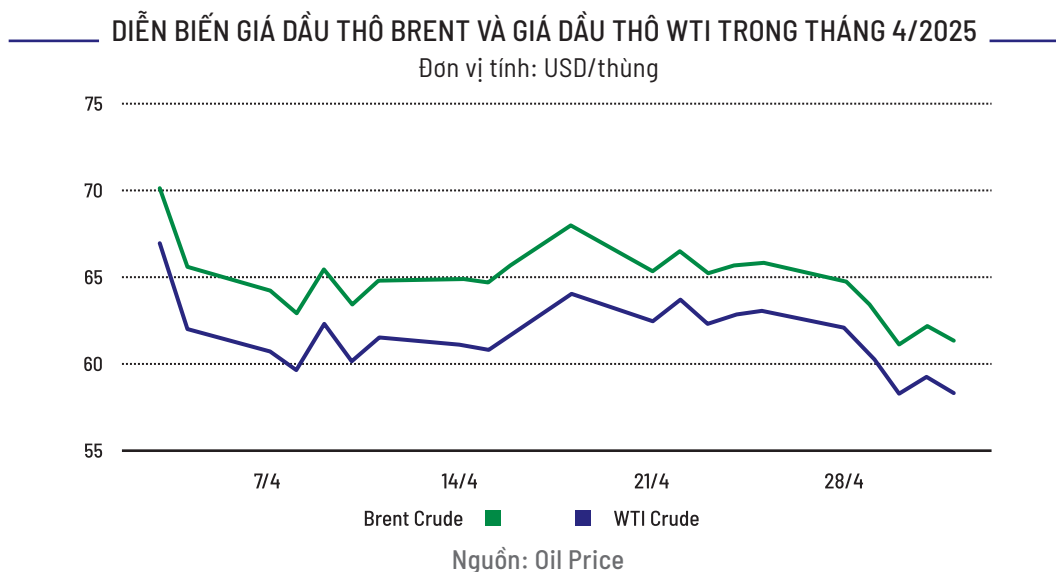
Tại Trung Quốc, hoạt động nhập khẩu dầu thô tăng mạnh nhờ sự gia tăng của hình thức chuyển tải từ tàu sang tàu (STS) ngoài khơi Malaysia và Singapore, đặc biệt là với dầu từ vùng Bắc Cực của Nga. Bên cạnh đó, các nhà máy lọc dầu Trung Quốc tiếp tục tranh thủ giá dầu thấp, đẩy mạnh nhập khẩu từ Iran, bất chấp các rủi ro địa chính trị và căng thẳng thương mại với Mỹ.

Trong khi đó, tại Ấn Độ, nhu cầu dầu mỏ vẫn tăng cao do tiêu dùng nội địa và công suất lọc dầu giữ ở mức cao. Trong tháng qua, Ấn Độ đã tăng mua dầu thô từ Mỹ lên mức cao nhất trong 27 tháng qua nhằm tránh rủi ro thuế quan, đồng thời gia tăng nhập khẩu LNG từ các dự án Mỹ. Ngoài ra, Ấn Độ cũng ghi nhận lượng nhập khẩu kỷ lục dầu pha trộn ESPO từ Nga, tận dụng cơ hội khi Trung Quốc tạm thời giảm mua loại dầu này.

Tại Mỹ, nhu cầu tiêu thụ dầu vẫn được duy trì ở mức cao trong lĩnh vực hàng không và công nghiệp.

▪ *Diễn biến giá:*

Trong tháng qua, giá dầu Brent và WTI ghi nhận mức giảm mạnh nhất kể từ tháng 11/2021, lần lượt mất hơn 15% và 18%. Đà lao dốc bắt đầu sau khi Mỹ công bố gói thuế quy mô lớn áp lên nhiều quốc gia, làm dấy lên lo ngại suy thoái kinh tế toàn cầu và kéo theo sự suy yếu trong nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ. Ngoài ra, trong tháng qua, giá dầu tiếp tục chịu sức ép từ các yếu tố như kế hoạch tăng sản lượng của Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu mỏ và các đối tác (OPEC+), động thái đáp trả thuế quan từ Trung Quốc và tuyên bố giảm giá bán dầu bất ngờ từ Ả Rập Xê Út.

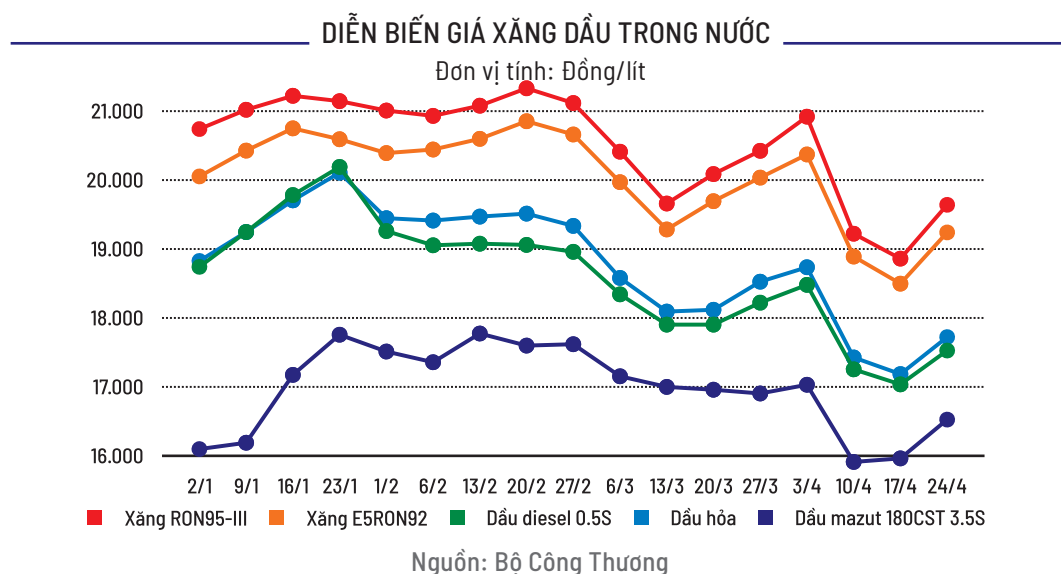


1.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 4/2025, thị trường xăng dầu Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức khi nguồn cung vẫn dồi dào nhưng nhu cầu tiêu thụ trong nước ở mức thấp, khiến giá bán lẻ xăng dầu liên tục giảm.

Tính đến hết tháng 4, giá xăng trong nước đã trải qua 17 phiên điều chỉnh, trong đó có 7 phiên giảm, 9 phiên tăng và một phiên tăng giảm trái chiều. Đặc biệt, kể từ sau kỳ điều chỉnh ngày 10/4, giá xăng dầu giảm sâu tới 1.000 đồng/lít khiến mức chiết khấu mà doanh nghiệp phân phối nhận về chỉ còn khoảng 500 - 600 đồng/lít, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình tháng trước.

Mặc dù đến ngày 25/4, giá xăng dầu đã có dấu hiệu tăng trở lại, giúp mức chiết khấu phục hồi phần nào, song rủi ro thị trường vẫn hiện hữu do biến động giá lớn, chiết khấu bị thắt chặt kéo dài và tỷ giá tăng mạnh, làm biên lợi nhuận của các doanh nghiệp bán lẻ bị bào mòn. Các doanh nghiệp đầu mối cũng ghi nhận doanh thu và lợi nhuận suy giảm đáng kể trong bối cảnh chi phí nhập khẩu tăng và sức mua trong nước chưa phục hồi.



1.2. Dự báo

1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ Cung dầu mỏ:

Trong tháng 4/2025, các dự báo mới về nguồn cung dầu mỏ toàn cầu ghi nhận xu hướng gia tăng rõ rệt, phản ánh tác động từ các điều chỉnh chính sách của OPEC+, sự biến động trong hoạt động khai thác tại các nước ngoài khối và bối cảnh địa chính trị còn nhiều phức tạp.

Ngày 3/4, OPEC+ thông báo sẽ tăng sản lượng dầu thêm 411.000 thùng/ngày kể từ tháng 5/2025, đây là mức tăng cao hơn nhiều so với kỳ vọng trước đó chỉ khoảng 120.000 thùng/tháng, cho thấy quyết tâm kiểm soát thị trường trong bối cảnh nhu cầu chưa có nhiều đột phá.

Đến ngày 15/4, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo nguồn cung ngoài OPEC sẽ gia tăng nhanh hơn tốc độ tiêu thụ, gây áp lực dư thừa lên thị trường. Tuy nhiên, IEA cũng hạ dự báo tăng trưởng nguồn cung toàn cầu năm 2025 xuống còn 1,2 triệu thùng/ngày, giảm 260.000 thùng/ngày so với tháng trước, chủ yếu do sản lượng từ Mỹ và Venezuela thấp hơn dự kiến.

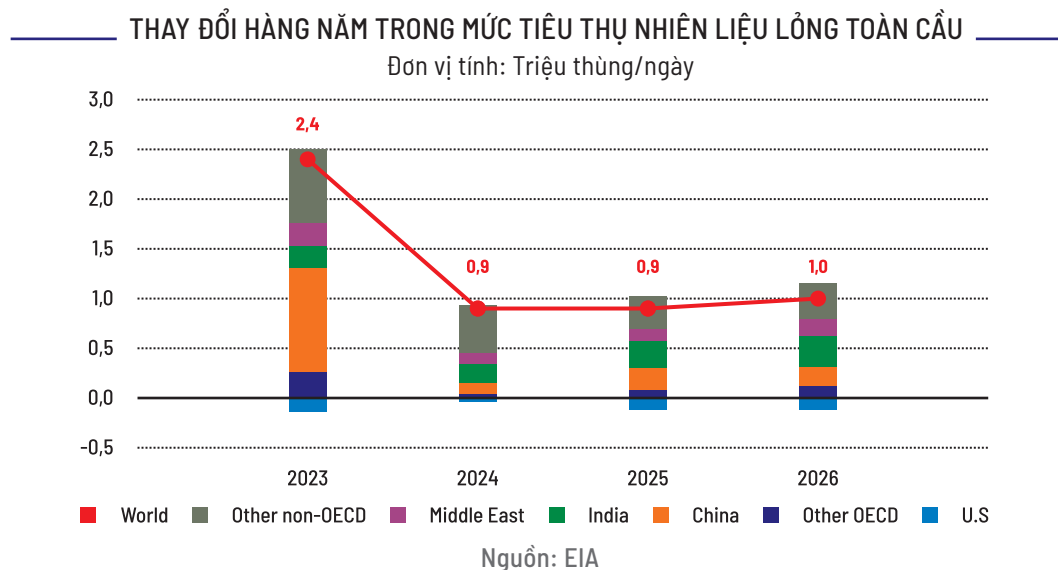
Bên cạnh đó, nguồn cung dầu từ Mỹ được dự báo sẽ đối mặt với nhiều thách thức trong thời gian tới. Mặc dù thỏa thuận khoáng sản ký ngày 30/4 với Ukraine

mở ra cơ hội tiếp cận thêm tài nguyên năng lượng, bao gồm dầu mỏ, tuy nhiên Mỹ không nắm quyền kiểm soát hạ tầng khai thác tại Ukraine, hạn chế vai trò chủ động của Mỹ. Đồng thời, chính sách thuế mới cùng xu hướng giảm giá dầu đang gây áp lực lớn lên các doanh nghiệp dầu khí trong nước, làm gia tăng nguy cơ sụt giảm sản lượng và ảnh hưởng đến tính ổn định của nguồn cung nội địa Mỹ trong trung hạn.

■ **Cầu dầu mỏ:**

Trong tháng qua, nhiều tổ chức quốc tế đã đồng loạt điều chỉnh giảm dự báo về nhu cầu dầu mỏ toàn cầu, phản ánh những lo ngại ngày càng gia tăng về triển vọng kinh tế thế giới. Trong đó, căng thẳng thương mại kéo dài giữa Mỹ và Trung Quốc tiếp tục gây áp lực lên tăng trưởng toàn cầu, đặc biệt tại Trung Quốc - quốc gia tiêu thụ dầu lớn nhất thế giới, khiến nhu cầu dầu có dấu hiệu chững lại trong tương lai.

Ngày 10/4, *Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA)* đã điều chỉnh giảm dự báo nhu cầu dầu toàn cầu trong năm nay, với mức tăng ước tính khoảng 900.000 thùng/ngày, thấp hơn 400.000 thùng/ngày so với dự báo đưa ra hồi tháng trước. Bên cạnh đó, EIA cũng hạ dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu cho năm 2026 xuống còn 1 triệu thùng/ngày, giảm so với mức 1,2 triệu thùng/ngày trong ước tính trước đó.



Tiếp theo, ngày 14/4, *Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC)* đã hạ dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu năm 2025 xuống mức 1,3 triệu thùng/ngày, thấp hơn mức 1,4 triệu thùng/ngày trong báo cáo trước. Dù vẫn kỳ vọng nhu cầu sẽ tiếp tục tăng, OPEC thừa nhận xu hướng tăng trưởng đang chậm lại.

Ngoài ra, ngày 15/4, *Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA)* cũng đưa ra điều chỉnh tương tự, giảm dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu năm 2025 xuống còn 730.000 thùng/ngày, thay vì 1,03 triệu thùng/ngày như trước đó. IEA cảnh báo đà tăng trưởng yếu sẽ tiếp diễn trong năm 2026, với mức tăng chỉ khoảng 690.000 thùng/ngày, do tác động của chính sách thuế quan và sự phát triển nhanh chóng của xe điện, làm giảm dần sự phụ thuộc vào dầu mỏ.

■ Diễn biến giá:

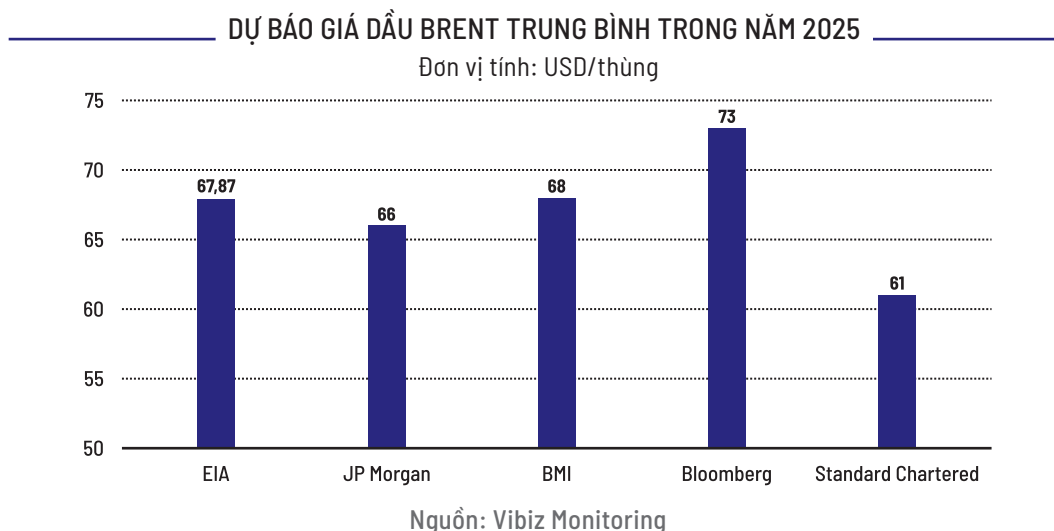
Hàng loạt tổ chức tài chính và nghiên cứu đã đồng loạt điều chỉnh giảm dự báo giá dầu trong tháng qua do triển vọng nhu cầu toàn cầu suy yếu, đà tăng sản lượng mạnh từ OPEC+ và rủi ro kinh tế do các chính sách thuế quan mới từ chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump. Mặc dù dầu và các sản phẩm liên quan được miễn thuế, nhưng chính sách thuế mới được cho là sẽ làm gia tăng lạm phát và kéo giảm tăng trưởng kinh tế, từ đó ảnh hưởng gián tiếp đến giá dầu.

Ngày 10/4, *Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) dự báo giá dầu Brent trung bình năm 2025 sẽ đạt 67,87 USD/thùng*, giảm đáng kể so với mức 74,22 USD/thùng trong dự báo trước.

Đến ngày 14/4, *JPMorgan tiếp tục hạ dự báo giá dầu Brent xuống còn 66 USD/thùng cho năm 2025 và 58 USD/thùng cho năm 2026.*

Cùng xu hướng điều chỉnh giảm, *BMI hạ dự báo giá dầu Brent trung bình năm 2025 xuống còn 68 USD/thùng*, trong khi *Bloomberg dự báo mức giá tương ứng là 73 USD/thùng.*

Đáng chú ý, *Standard Chartered đã mạnh tay hạ dự báo giá dầu Brent năm 2025 thêm 16 USD xuống còn 61 USD/thùng*, cho thấy tâm lý bi quan gia tăng trên thị trường năng lượng toàn cầu.



1.2.2. Thị trường trong nước

■ Cung dầu mỏ:

Nguồn cung dầu của Việt Nam dự báo sẽ ổn định trong ngắn hạn nhờ sự chủ động trong nhập khẩu, dự trữ dầu thô và khả năng vận hành linh hoạt của các nhà máy lọc hóa dầu trong nước.

Bên cạnh đó, việc Saudi Aramco giảm sâu giá dầu trong bối cảnh OPEC+ tăng sản lượng khiến giá dầu thô toàn cầu giảm mạnh, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà máy lọc dầu trong nước tối ưu chi phí đầu vào và cải thiện biên lợi nhuận.

Tuy nhiên, mặt trái của xu hướng này là sức ép cạnh tranh ngày càng lớn từ các nhà sản xuất khu vực có chi phí thấp, khiến sản phẩm xăng dầu Việt Nam có nguy cơ bị ép giá khi xuất khẩu. Đồng thời, biến động tỷ giá cũng có thể làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên liệu và thanh toán nợ nước ngoài.

■ *Cầu dầu mỏ:*

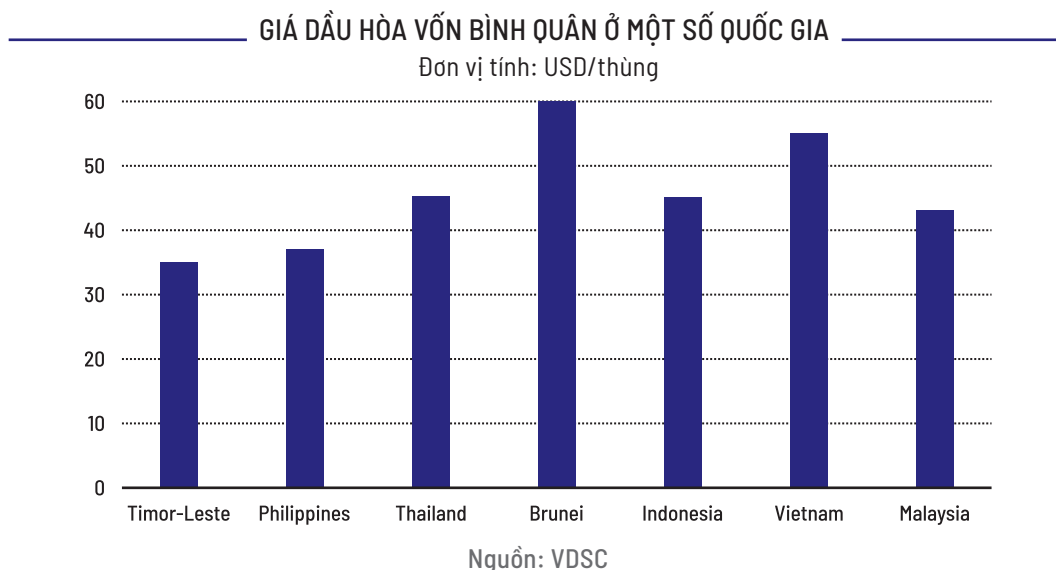
Trong thời gian tới, nhu cầu dầu mỏ tại Việt Nam dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định, chủ yếu nhờ vào sự phục hồi của các ngành kinh tế trọng điểm như công nghiệp, vận tải và du lịch.

Quá trình đô thị hóa nhanh chóng, cùng với sự gia tăng số lượng phương tiện giao thông và mở rộng hạ tầng giao thông, sẽ kéo theo mức tiêu thụ xăng dầu ngày càng lớn.

Ngoài ra, nhu cầu sử dụng nhiên liệu cho sản xuất điện và các ngành hóa dầu cũng được dự báo tăng, đặc biệt khi Việt Nam đẩy mạnh thu hút đầu tư FDI và chuyển dịch cơ cấu năng lượng. Tuy nhiên, đà tăng trưởng có thể chịu ảnh hưởng từ xu hướng chuyển dịch sang năng lượng tái tạo, các chính sách kiểm soát khí thải và biến động giá dầu toàn cầu.

■ *Diễn biến giá:*

Trong thời gian tới, giá xăng dầu trong nước dự báo sẽ có sự điều chỉnh nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức cao so với ngưỡng hòa vốn của nhiều dự án khai thác dầu tại Việt Nam.



Mặc dù giá dầu Brent có xu hướng giảm trong ngắn hạn do áp lực từ việc tăng cung và căng thẳng thương mại toàn cầu, nhưng mức giá hiện tại vẫn cao hơn ngưỡng hòa vốn trung bình của các mỏ dầu khí trong nước, khoảng 55 USD/thùng. Đặc biệt, đối với các mỏ đã hoàn thiện hạ tầng như Bạch Hổ, Rồng hay Sư Tử Đen, chi phí khai thác thường thấp hơn, chỉ khoảng 35 - 45 USD/thùng.

Với giả định giá dầu Brent bình quân năm 2025 là khoảng 68 USD/thùng, hầu hết các dự án thăm dò và khai thác tại Việt Nam sẽ vẫn có lãi, tạo ra sự ổn định cho thị trường xăng dầu trong nước. Tuy nhiên, các yếu tố biến động chi phí và thuế tài nguyên có thể ảnh hưởng đến giá bán trong nước, tạo ra sự điều chỉnh nhẹ nhưng không quá lớn trong ngắn hạn.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ *Cung khí:*

Tình hình cung cấp khí đốt toàn cầu trong tháng 4/2025 tiếp tục diễn biến sôi động với sự gia tăng mạnh mẽ trong xuất khẩu LNG từ Mỹ.

Mỹ đã đạt kỷ lục xuất khẩu 34,6 triệu tấn LNG trong 4 tháng đầu năm, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ nhu cầu cấp thiết từ châu Âu, nơi đang phải đối mặt với mùa đông lạnh kéo dài và tình trạng tồn kho khí đốt đạt mức thấp, khiến việc nhập khẩu trở thành ưu tiên hàng đầu. Thêm vào đó, thời tiết khắc nghiệt và sự suy giảm sản lượng năng lượng tái tạo khiến các quốc gia châu Âu phải gia tăng tiêu thụ khí đốt hơn bao giờ hết.

Trong khi đó, xuất khẩu khí đốt từ Nga qua đường ống TurkStream sang EU đã tăng 13% trong 4 tháng đầu năm 2025, phản ánh sự điều chỉnh trong nguồn cung khí đốt từ Nga.

Tuy nhiên, mối quan hệ căng thẳng giữa Mỹ và Trung Quốc cũng đã có tác động đến dòng chảy LNG, khi không có chuyến hàng LNG nào của Mỹ đến Trung Quốc trong tháng này.

Đáng chú ý, Trung Quốc đã tái xuất khẩu hơn 280.000 tấn LNG trong tháng 4, mức cao nhất từ trước đến nay, góp phần tăng nguồn cung khí ra thị trường.

■ *Cầu khí:*

Tình hình nhu cầu khí đốt toàn cầu trong tháng 4/2025 có sự điều chỉnh đáng kể, với sự suy giảm tại một số khu vực lớn và những thách thức gia tăng ở các khu vực khác.

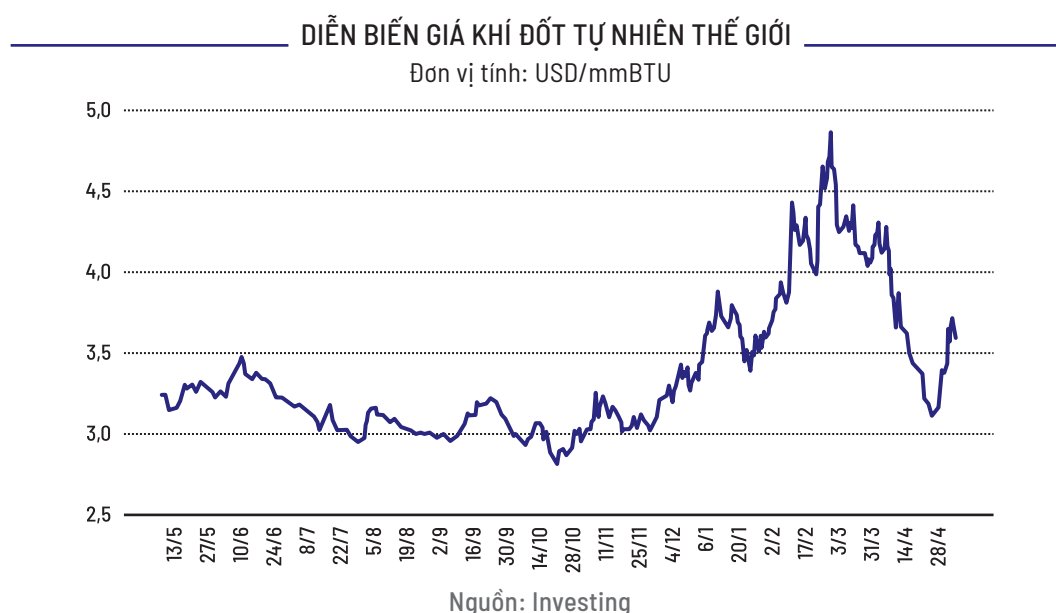
Tại châu Á, lượng LNG nhập khẩu trong tháng 4 vẫn ảm đạm, với tổng nhập khẩu chỉ đạt 22,40 triệu tấn, giảm nhẹ so với 22,68 triệu tấn của tháng 3.

Đặc biệt, nhu cầu tại Trung Quốc tiếp tục giảm mạnh, với mức giảm 20% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây là tháng thứ 6 liên tiếp nhu cầu LNG của Trung Quốc sụt giảm, chủ yếu do tồn kho mùa đông dồi dào và xu hướng tiêu thụ yếu. Trong khi đó, cuộc chiến thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc tiếp tục ảnh hưởng sâu rộng, khi Trung Quốc ngừng nhập khẩu LNG từ Mỹ từ đầu tháng 2/2025.

Bên cạnh đó, tại Ukraine, tình hình khí đốt cũng trở nên nghiêm trọng khi mức lấp đầy công suất lưu trữ khí đốt chỉ đạt 2,22%, thấp nhất trong lịch sử hệ thống, khiến nước này đối mặt với nguy cơ thiếu khí đốt trong mùa đông sắp tới. Để duy trì nhu cầu sưởi ấm, Ukraine cần nhập khẩu khoảng 5,5-6,3 tỷ m³ khí đốt, trong khi tình hình tài chính và chiến sự tiếp tục gây thêm áp lực lớn lên quốc gia này.

■ Diễn biến giá:

Trong tháng 4/2025, giá khí đốt tự nhiên trên toàn cầu đã ghi nhận xu hướng giảm đáng kể, phản ánh sự suy yếu trong nhu cầu tiêu thụ và tác động của các yếu tố kinh tế vĩ mô. Tại Mỹ, giá khí đốt giảm chủ yếu do nhu cầu sưởi ấm giảm mạnh sau mùa đông cùng với mức dự trữ khí đốt gia tăng. Tương tự, tại châu Âu, giá khí đốt cũng giảm mạnh dưới tác động của thời tiết ấm hơn và xu hướng giảm giá chung của khí tự nhiên trên thị trường thế giới. Những yếu tố này cho thấy sự điều chỉnh rõ nét của thị trường khí đốt tự nhiên toàn cầu trong bối cảnh chính sách năng lượng và thời tiết tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc định hình giá cả.

**2.1.2. Thị trường trong nước**

Trong tháng 4/2025, thị trường khí tại Việt Nam duy trì xu hướng ổn định, đặc biệt là ở mảng bán lẻ gas.

Theo đó, giá gas bán lẻ trong nước không thay đổi so với tháng trước, do giá gas thế giới bình quân trong tháng 4/2025 không biến động.

Tính từ đầu năm đến nay, thị trường gas trong nước đã trải qua hai lần giảm giá (tháng 1 và tháng 3), một lần tăng (tháng 2) và hai lần giữ nguyên (tháng 4 và tháng 5), phản ánh xu hướng giá ổn định và giảm nhẹ.

Về nguồn cung LNG, Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) đã tiếp nhận hai chuyến tàu LNG tại cảng Thị Vải trong tháng 4/2025, với tổng sản lượng ước tính khoảng 160 triệu Sm³. Cụ thể, chuyến đầu tiên cập cảng vào ngày 4/4 và chuyến thứ hai vào khoảng ngày 19-20/4.

Những diễn biến này cho thấy Việt Nam đang tích cực đẩy mạnh phát triển thị trường LNG thông qua việc gia tăng nhập khẩu, mở rộng hạ tầng và đa dạng hóa nguồn cung, nhằm đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng tăng và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ **Cung khí:**

Nguồn cung khí đốt toàn cầu dự báo tiếp tục phải đối mặt với nhiều biến động mang tính chiến lược và địa chính trị.

Ngày 11/4, Liên minh châu Âu (EU) đã thống nhất nới lỏng các quy định nạp kho dự trữ khí đốt trước mùa Đông, cho phép mức lấp đầy đạt tới 90% công suất, với biên độ dao động 10%, nếu điều kiện thị trường không thuận lợi. Tuy nhiên, các điều chỉnh này sẽ chỉ được áp dụng từ cuối năm nay hoặc các năm 2026-2027 sau khi có sự đồng thuận với Nghị viện châu Âu.

Bên cạnh đó, ngày 30/4, Mỹ và Ukraine đã ký kết một thỏa thuận khoáng sản quan trọng, trong đó bao gồm cả khí đốt. Thỏa thuận này được kỳ vọng sẽ giúp tăng cường nguồn cung khí từ khu vực Đông Âu, trong bối cảnh Nga bị cô lập và các tuyến đường ống truyền thống bị gián đoạn.

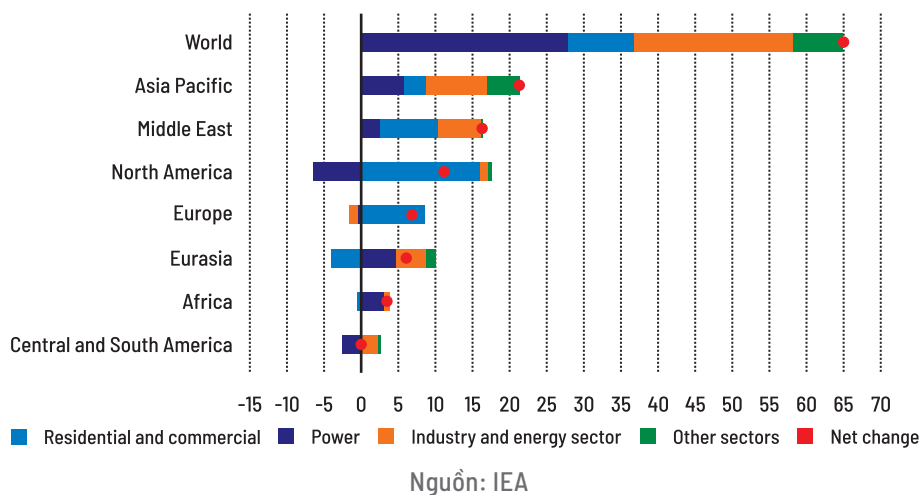
Trong tháng qua, *Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo nguồn cung LNG toàn cầu sẽ tăng 5% (tương đương 27 bcm) vào năm 2025*, chủ yếu đến từ Bắc Mỹ với các dự án lớn như LNG Plaquemines, Corpus Christi Giai đoạn 3 và LNG Canada.

■ **Cầu khí:**

- Trong tháng 4/2025, *Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo tốc độ tăng trưởng nhu cầu khí đốt toàn cầu sẽ chậm lại, chỉ đạt khoảng 1,5% trong năm 2025*. Nguyên nhân chủ yếu là do điều kiện thị trường ban đầu thắt chặt và tình hình kinh tế vĩ mô toàn cầu gia tăng bất ổn. Mức tiêu thụ khí đốt tự nhiên có sự biến động đáng kể giữa các khu vực, phần lớn bị ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết.

Đồng thời, *IEA dự báo nhu cầu khí đốt tại châu Á năm 2025 chỉ tăng hơn 2%, giảm mạnh so với mức tăng 5,5% của năm 2024*. Tuy nhiên, khu vực này vẫn sẽ là đầu tàu tăng trưởng, đóng góp khoảng một phần ba tổng mức tăng nhu cầu khí toàn cầu trong năm.

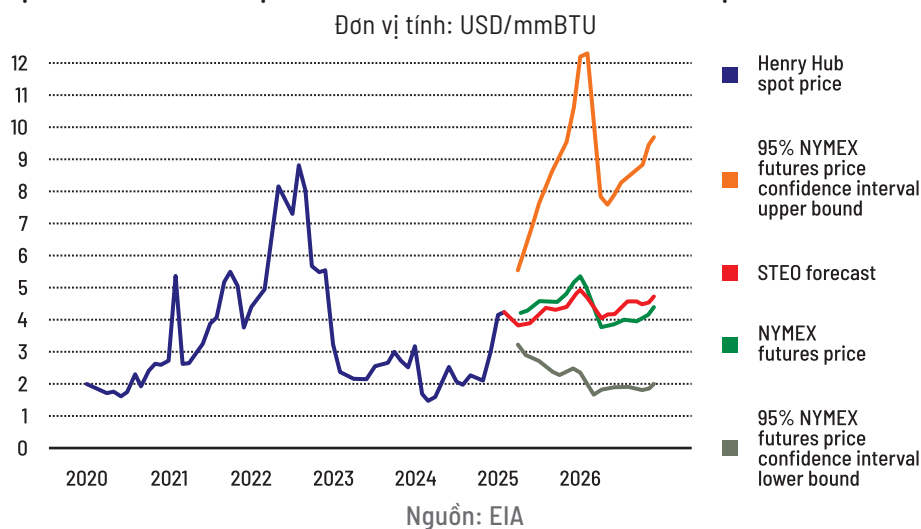
DỰ BÁO THAY ĐỔI VỀ MỨC TIÊU THỤ KHÍ ĐỐT TỰ NHIÊN
THEO KHU VỰC VÀ NGÀNH, NĂM 2025 SO VỚI NĂM 2024



■ **Diễn biến giá:**

Ngày 10/4, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) dự báo giá khí đốt tự nhiên sẽ có xu hướng tăng trong thời gian tới. Cụ thể, giá khí Henry Hub trung bình trong năm 2025 dự kiến đạt khoảng 4,30 USD/MMBtu, tăng 2,10 USD so với mức trung bình của năm 2024. Đà tăng này được dự báo sẽ tiếp tục vào năm 2026, khi giá trung bình hàng năm có thể nhích thêm 0,30 USD lên mức khoảng 4,60 USD/MMBtu. Những yếu tố như nhu cầu phục hồi, sản lượng điều chỉnh và xu hướng xuất khẩu LNG có thể là các nguyên nhân chính thúc đẩy giá khí tăng trong giai đoạn tới.

DỰ BÁO GIÁ KHÍ ĐỐT TỰ NHIÊN GIAO NGAY HENRY HUB GIAI ĐOẠN NĂM 2025-2026



2.2.2. Thị trường trong nước

Dự báo trong năm 2025, thị trường khí Việt Nam sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều áp lực khi nhu cầu tiêu thụ khí tự nhiên dự kiến tăng mạnh, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất điện, phân bón và công nghiệp chế biến.

Trong khi đó, sản lượng khai thác từ các mỏ khí nội địa như Bạch Hổ, Cửu Long và Nam Côn Sơn đang suy giảm nhanh chóng, ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn cung đầu vào của nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các công ty sản xuất phân bón như Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) và Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo), vốn phụ thuộc lớn vào khí làm nguyên liệu đầu vào.

Trong bối cảnh đó, nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) sẽ đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc bù đắp thiếu hụt nguồn cung. Việc giảm thuế nhập khẩu LNG theo các cam kết FTA xuống 0% đối với các đối tác như Brunei, Malaysia, Indonesia và giảm từ 5% xuống 2% đối với các quốc gia thuộc WTO chưa có FTA với Việt Nam, sẽ giúp Việt Nam mở rộng khả năng tiếp cận các nguồn LNG cạnh tranh hơn.

Về dài hạn, chính sách này không chỉ hỗ trợ các nhà máy điện khí như Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 tối ưu chi phí sản xuất, mà còn giúp các doanh nghiệp công nghiệp và người tiêu dùng được hưởng lợi từ mức giá năng lượng hợp lý hơn, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ *Cung phân bón:*

Trong tháng 4/2025, nguồn cung phân bón toàn cầu nhìn chung vẫn khá dồi dào, tuy nhiên gặp một số gián đoạn cục bộ do yếu tố địa chính trị và các rào cản thương mại do các chính sách thuế mới của Mỹ.

Căng thẳng leo thang tại Trung Đông đã ảnh hưởng lớn đến việc xuất khẩu phân bón từ các quốc gia như Iran, Qatar, Ả Rập Xê Út và UAE, đặc biệt là các mặt hàng ure, amoniac và lưu huỳnh.

Giá lưu huỳnh FOB tại Iran đã tăng mạnh từ 130-135 USD/tấn lên 150-160 USD/tấn, đi kèm với chi phí vận chuyển và bảo hiểm tăng vọt, gây áp lực nguồn cung tại các khu vực châu Á, châu Phi và Nam Mỹ.

Trong khi đó, tại Mỹ, việc áp thuế 10% đối với nhiều mặt hàng phân bón nhập khẩu từ Canada, Mexico và Trung Quốc đã làm gia tăng áp lực lên nguồn cung, đặc biệt đối với các sản phẩm như kali và DAP, vốn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu.

■ *Cầu phân bón:*

Nhu cầu phân bón toàn cầu có xu hướng tăng nhẹ trong tháng qua khi nhiều khu vực bước vào giai đoạn chuẩn bị cho mùa trồng trọt.

Nông dân Mỹ và Canada đang đứng trước áp lực chi phí tăng cao giữa bối cảnh căng thẳng thương mại tiếp tục leo thang, chỉ vài tuần trước khi mùa gieo trồng mùa xuân bắt đầu.

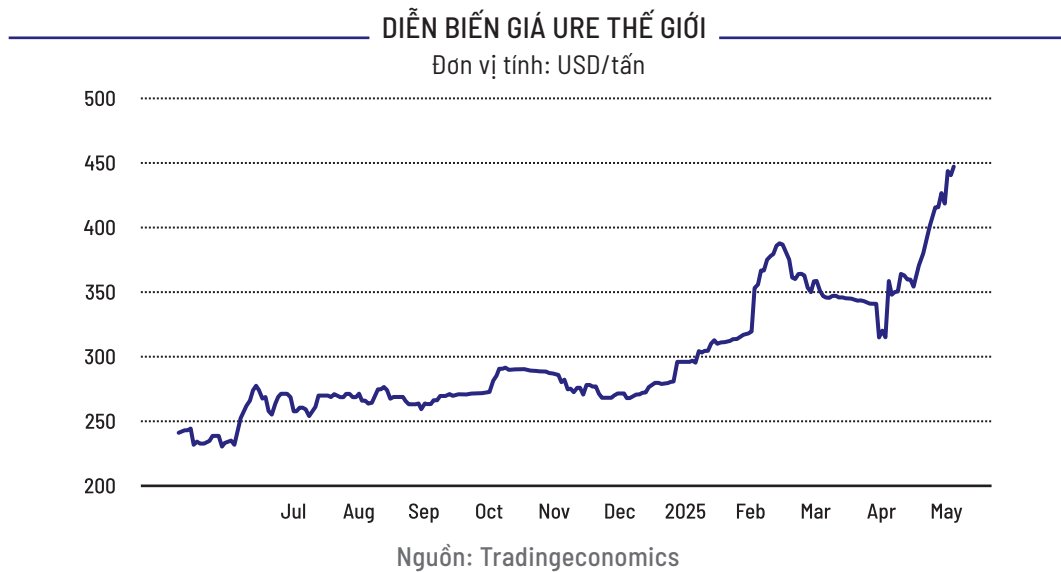
Tại Ấn Độ, việc mở thầu nhập khẩu ure ngày 8/4 phản ánh nhu cầu cấp thiết, tuy nhiên đến ngày 11/4 nước này chỉ mua được khoảng 43% so với khối lượng mục tiêu, cho thấy sức mua vẫn thận trọng trước những biến động giá.

Ngoài ra, giá chấp nhận mua hàng DAP tăng ở cả bờ Đông và bờ Tây, cho thấy nhu cầu tại các thị trường lớn đang tăng dần.

■ *Diễn biến giá:*

Giá phân bón thế giới trong tháng 4/2025 có sự biến động mạnh theo từng chủng loại và khu vực. Giá phân DAP tăng đáng kể tại Mỹ do tác động của thuế nhập khẩu và nhu cầu nội địa cao. Trong khi đó, giá ure có xu hướng tăng rõ rệt sau khi Ấn Độ mở thầu nhập khẩu, dù chưa đạt được mục tiêu mua sắm.

Trên thị trường quốc tế, giá ure đã tăng tới 139 USD/tấn, tương đương 41,19% kể từ đầu năm 2025, chủ yếu do sự gián đoạn nguồn cung và căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông.



3.1.2. Thị trường trong nước

■ *Cung phân bón:*

Trong tháng 4/2025, nguồn cung phân bón tại Việt Nam vẫn duy trì ở mức cao nhờ công suất sản xuất đăng ký của các nhà máy đạt trên 30 triệu tấn/năm. Tuy nhiên, sản lượng thực tế từ sản xuất trong nước và nhập khẩu chỉ đạt khoảng 11 triệu tấn, phản ánh tình trạng cung vượt cầu rõ rệt.

■ *Cầu phân bón:*

Nhu cầu phân bón tại thị trường trong nước trong tháng 4/2025 tiếp tục có sự phân hóa rõ rệt giữa các khu vực, chủ yếu phụ thuộc vào tiến độ mùa vụ và tình hình canh tác tại từng vùng miền.

Tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, nhu cầu phân ure cao, đạt khoảng 90% tổng nhu cầu vụ lúa Đông Xuân, nhưng sẽ giảm nhẹ cuối tháng do hầu hết diện tích lúa đã hoàn tất chăm bón.

Trong khi đó, khu vực miền Trung và Nam Trung Bộ nhu cầu ổn định với đợt bón thứ ba cho lúa, tập trung ở các tỉnh như Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định.

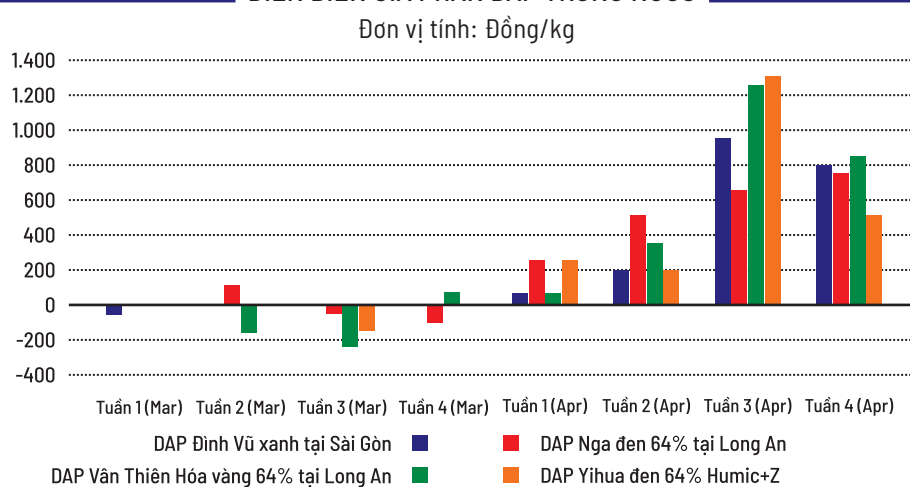
Tại miền Bắc nhu cầu tăng mạnh do các tỉnh bắt đầu gieo cấy và chăm bón lúa, đặc biệt tại Hải Dương, Hưng Yên và Nam Định.

Trái lại, khu vực Tây Nguyên và Đông Nam Bộ lại có nhu cầu thấp, tập trung chủ yếu vào phân bón cho cây công nghiệp như cà phê và hồ tiêu.

■ **Diễn biến giá:**

Trong tháng 4/2025, giá phân DAP tại thị trường Việt Nam tăng mạnh từ 1.900 đến 2.450 đồng/kg so với đầu tháng. Nguyên nhân chủ yếu do thiếu hụt nguồn cung nhập khẩu từ Trung Quốc, kết hợp với tỷ giá tăng, làm chi phí nhập khẩu cao hơn. Trong tuần cuối tháng, giá chào bán DAP Trung Quốc tiếp tục tăng thêm 50-750 đồng/kg do thị trường không ghi nhận lô hàng nào mới nhập về.

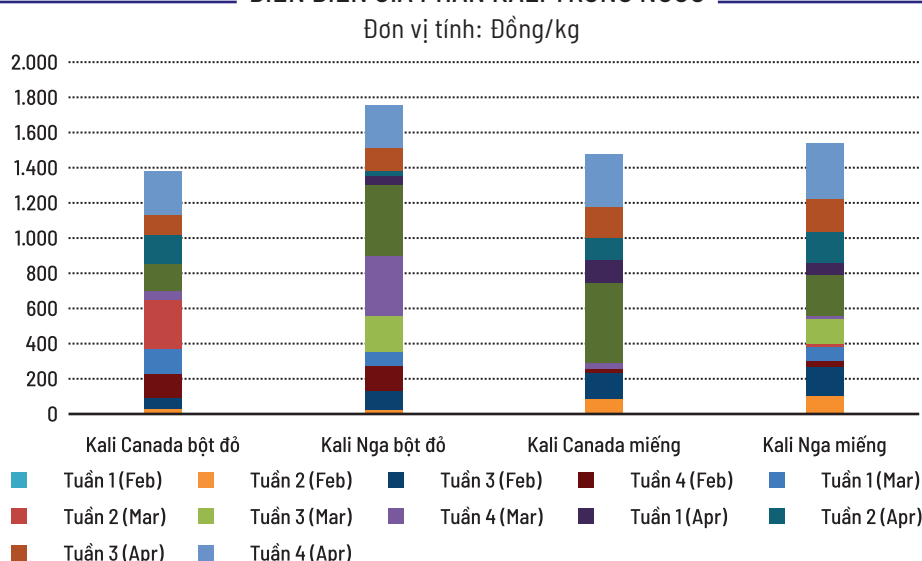
DIỄN BIẾN GIÁ PHÂN DAP TRONG NƯỚC



Nguồn: AgroMonitor

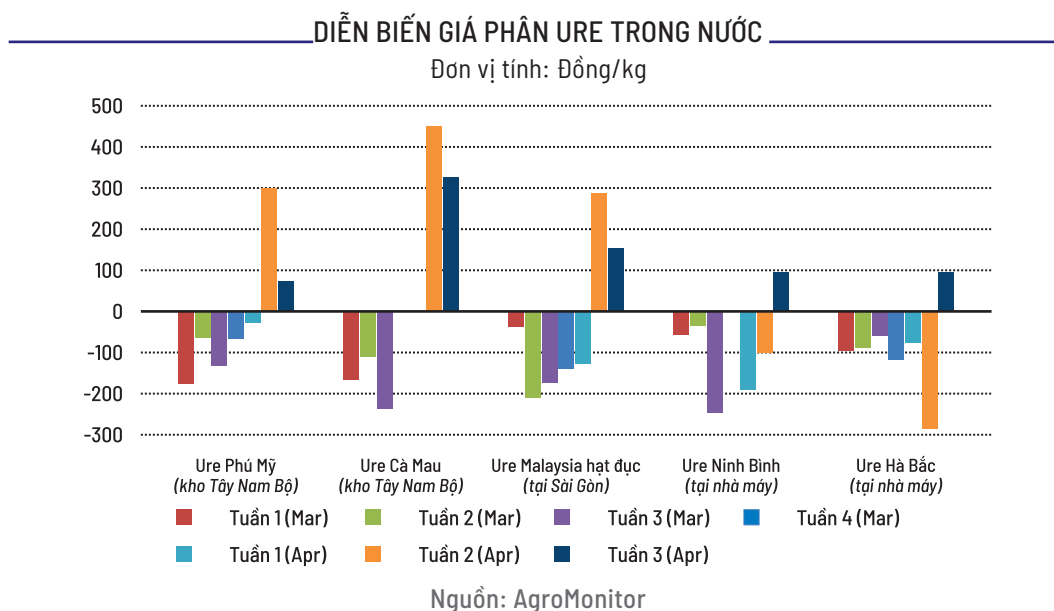
Ngoài ra, giá phân kali cũng ghi nhận mức tăng từ 250 đến 550 đồng/kg, theo xu hướng tăng của thị trường thế giới. Tuy nhiên, nhu cầu trong nước ở mức thấp khiến giao dịch trầm lắng, không có nhiều biến động về sản lượng bán ra.

DIỄN BIẾN GIÁ PHÂN KALI TRONG NƯỚC



Nguồn: AgroMonitor

Đặc biệt, sau chuỗi giảm kéo dài từ cuối tháng 2 đến đầu tháng 4/2025, giá phân ure tại Việt Nam đã bắt đầu hồi phục trong tuần cuối tháng 4. Diễn biến này phần nào phản ánh lại trạng thái cân bằng giữa cung nội địa dồi dào và nhu cầu nội địa đang giảm nhẹ.



3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung phân bón:

Nguồn cung phân bón toàn cầu dự báo sẽ ổn định hơn nhờ một số yếu tố tích cực. Nga đã gia tăng hạn ngạch xuất khẩu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng xuất khẩu phân bón.

Đồng thời, các hiệp định thương mại tự do như RCEP và EVFTA sẽ hỗ trợ các nước như Nga, Trung Quốc và Indonesia đẩy mạnh xuất khẩu, góp phần ổn định nguồn cung toàn cầu. Tuy nhiên, Liên minh châu Âu (EU) vẫn gặp khó khăn trong việc duy trì nguồn cung do giá khí đốt cao ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất phân bón.

▪ Cầu phân bón:

Nhu cầu phân bón toàn cầu được dự báo sẽ tăng trong năm 2025, đặc biệt là ở châu Á.

Các thị trường lớn như Ấn Độ, Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á sẽ tiếp tục dẫn đầu về nhu cầu tiêu thụ, trong khi châu Âu và Bắc Mỹ có thể ghi nhận mức tăng trưởng chậm hơn. Tuy nhiên, xu hướng này vẫn sẽ bị chi phối bởi giá nguyên liệu đầu vào, chính sách thương mại, tình hình địa chính trị và thuế xuất nhập khẩu.

■ **Diễn biến giá:**

Giá phân bón thế giới dự báo sẽ tiếp tục biến động do ảnh hưởng từ chính sách thương mại, thuế quan. Các biện pháp bảo hộ từ Mỹ và căng thẳng với các nước xuất khẩu phân bón có thể đẩy giá lên cao và gây thiếu hụt nguồn cung.

Ngoài ra, giá khí đốt, nguyên liệu chính cho sản xuất phân bón ure tiếp tục là yếu tố quan trọng, với khả năng tăng trong ngắn hạn nhưng có thể hạ nhiệt vào cuối năm 2025, làm chậm lại đà tăng giá phân bón.

3.2.2. Thị trường trong nước

Thị trường phân bón Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định trong giai đoạn 2024-2030, với quy mô ước đạt 4,20 tỷ USD vào năm 2030, tương ứng với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 3,38%.

Động lực thúc đẩy chính đến từ chính sách hỗ trợ nông nghiệp bền vững của Chính phủ, sự mở rộng diện tích canh tác phục vụ xuất khẩu, cùng với xu hướng ưu tiên các phương pháp canh tác thân thiện với môi trường. Tuy nhiên, ngành phân bón cũng đang đối mặt với một số thách thức, đặc biệt là việc sụt giảm sản lượng khí tự nhiên trong nước - nguyên liệu chính cho sản xuất ure. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sản xuất và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp chủ lực như PVCFC và PVFCCo.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Thị trường điện toàn cầu trong tháng 4/2025 ghi nhận nhiều biến động do chịu tác động từ xu hướng chuyển dịch năng lượng và tác động từ yếu tố công nghệ, khí hậu, cũng như các thách thức địa chính trị.

Tại châu Âu, Tây Ban Nha đã làm nên lịch sử khi lần đầu tiên toàn bộ nhu cầu điện trong một ngày làm việc (16/4) được đáp ứng hoàn toàn bằng các nguồn năng lượng tái tạo, bao gồm điện gió, điện mặt trời và thủy điện. Chỉ năm ngày sau đó, năng lượng mặt trời tiếp tục lập kỷ lục mới, cung cấp công suất tức thời lên đến 20.120 MW, chiếm gần 79% nhu cầu tiêu thụ và hơn 61% cơ cấu nguồn điện.

Trong khi đó, tại Trung Đông, Kuwait rơi vào tình trạng mất điện nghiêm trọng, nguyên nhân chủ yếu do hoạt động khai thác tiền điện tử tiêu tốn lượng điện khổng lồ vượt quá khả năng cung ứng của lưới điện quốc gia.

Tại Nam Á, Pakistan đối mặt với nghịch lý năng lượng khi sự phát triển điện mặt trời tư nhân đang làm gia tăng khoảng cách giàu - nghèo: người giàu được “miễn” trả tiền điện lưới nhờ đầu tư vào hệ thống năng lượng riêng, trong khi người nghèo phải gánh toàn bộ chi phí điện sinh hoạt ngày càng tăng.

Tại Ukraine, nhờ thời tiết ấm hơn và việc phục hồi hạ tầng sau chiến sự, nước này đã giảm 31% lượng điện nhập khẩu so với tháng trước.

Ngoài ra, tại khu vực châu Á, Ấn Độ ghi nhận mức tiêu thụ điện đỉnh điểm mới vào ngày 25/4, đạt 235 GW, vượt kỷ lục năm trước, tuy nhiên giá điện tại đây vẫn giữ ổn định nhờ nguồn cung tái tạo tăng mạnh, góp phần giảm áp lực lên thị trường.

4.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 4/2025, thị trường điện Việt Nam tiếp tục duy trì ổn định với tổng sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống lũy kế đạt khoảng 98,7 tỷ kWh.

Đặc biệt, trong kỳ nghỉ lễ 30/4 - 1/5, sản lượng tiêu thụ điện toàn quốc ghi nhận giảm xuống còn 60-70% so với các ngày làm việc thông thường, với công suất cực đại đạt mức 32.000-33.000 MW, tương đương khoảng 70-75% so với mức công suất cực đại ngày thường.

Giá điện sinh hoạt trong tháng 4 tăng nhẹ 1% so với tháng trước, chủ yếu do thời tiết nắng nóng kéo dài tại khu vực phía Nam khiến nhu cầu sử dụng điện cho sinh hoạt và làm mát tăng cao.

Bên cạnh đó, trong tháng qua, Bộ Công Thương đã ban hành quyết định phê duyệt khung giá phát điện cho các nhà máy nhiệt điện than và nhà máy điện sinh

khối, có hiệu lực từ ngày 14/4/2025. Đồng thời, khung giá nhập khẩu điện từ Lào về Việt Nam cũng được phê duyệt, có hiệu lực từ ngày 31/12/2025, với mức giá trần áp dụng như sau: thủy điện và điện gió là 6,95 USCent/kWh, còn nhiệt điện than là 7,02 USCent/kWh.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Thị trường điện thế giới trong những năm tới dự báo sẽ chứng kiến sự chuyển biến mạnh mẽ, với xu hướng tiêu thụ và nguồn cung có nhiều thay đổi.

Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo tiêu thụ điện toàn cầu sẽ tăng gần 4% mỗi năm đến năm 2027, nhờ vào sự phát triển mạnh mẽ của các ngành công nghiệp, điều hòa không khí, điện khí hóa và các trung tâm dữ liệu phục vụ trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây.

Cùng với sự gia tăng tiêu thụ, điện hạt nhân cũng sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu nguồn cung năng lượng toàn cầu. Dự báo, điện hạt nhân sẽ có sự tăng trưởng mạnh mẽ với các dự án mở rộng tại các quốc gia như Pháp, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc.

Ngoài ra, các nguồn năng lượng tái tạo khác như gió và mặt trời cũng sẽ tăng trưởng mạnh, đặc biệt tại các thị trường như châu Âu, nơi đầu tư vào năng lượng gió đang gia tăng mạnh mẽ.

4.2.2. Thị trường trong nước

Thị trường điện Việt Nam trong thời gian tới dự báo sẽ có sự tăng trưởng mạnh mẽ với nhu cầu sử dụng điện cao hơn, đặc biệt trong năm 2025 khi phụ tải điện dự kiến tăng trưởng lên tới 12,2%, công suất cực đại đạt 54.510 MW, tăng 11,3% so với năm 2024. Để đáp ứng nhu cầu này, Quy hoạch điện VIII điều chỉnh đã được Thủ tướng phê duyệt, với mục tiêu phát triển điện lực bền vững đến năm 2050.

Đến năm 2030, điện thương phẩm dự kiến đạt khoảng 500,4 - 557,8 tỷ kWh và công suất cực đại đạt từ 89.655 MW đến 99.934 MW, nhằm phục vụ nền kinh tế phát triển mạnh mẽ với mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân khoảng 10% mỗi năm giai đoạn 2026-2030.

Một trong những điểm nhấn quan trọng trong chiến lược phát triển điện lực quốc gia là việc đa dạng hóa nguồn năng lượng, với sự gia tăng sử dụng năng lượng tái tạo như điện mặt trời mái nhà. Mục tiêu đến năm 2030 là 50% tòa nhà công sở và 50% hộ dân sử dụng điện mặt trời tự sản, tự tiêu.

Bên cạnh đó, việc thuế nhập khẩu ưu đãi cho mặt hàng khí tự nhiên dạng hóa lỏng (LNG) được giảm từ 5% xuống 2% (theo Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 31/3/2025) giúp đa dạng nguồn cung LNG trong nước, góp phần đảm bảo nguồn nhiên liệu sạch đầu vào cho sản xuất điện và đẩy nhanh quá trình hiện thực hóa cam kết đưa phát thải ròng về 0 (Net Zero) vào năm 2050.



KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong bối cảnh tình hình kinh tế và ngành năng lượng tháng 4/2025 vẫn tiềm ẩn nhiều biến động, đặt ra không ít thách thức và cơ hội mới cho ngành năng lượng. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành như Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) cần có những điều chỉnh chiến lược để thích nghi và tận dụng những xu hướng này.

Dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể dành cho Petrovietnam, nhằm tối ưu hóa hoạt động và nắm bắt cơ hội trong môi trường kinh doanh hiện tại:

- Thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh, phát triển năng lượng tái tạo thông qua việc tập trung nghiên cứu, triển khai các dự án điện gió ngoài khơi, điện mặt trời và hydrogen xanh... nhằm từng bước hiện thực hóa mục tiêu giảm phát thải và giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. Đồng thời, xây dựng các trung tâm tích hợp năng lượng truyền thống - tái tạo (Energy Hub) để tối ưu hóa phân bổ nguồn lực và khai thác hiệu quả xu hướng chuyển dịch năng lượng toàn cầu.
- Chủ động bám sát, phân tích thị trường, mở rộng kênh xuất khẩu đa dạng và thiết lập hệ thống theo dõi thị trường nguyên liệu đầu vào nhằm đưa ra các quyết định điều chỉnh sản lượng và dự trữ phù hợp với biến động giá. Đẩy mạnh mở rộng xuất khẩu nhằm gia tăng khả năng tiếp cận các thị trường mới và giảm thiểu rủi ro từ sự phụ thuộc vào thị trường truyền thống.
- Tối ưu hóa chuỗi logistics và khai thác hiệu quả hạ tầng cảng biển bằng việc liên kết, hợp tác với các đối tác logistics chiến lược nhằm nâng cao năng lực lưu chuyển hàng hóa, giảm chi phí vận chuyển trong toàn chuỗi cung ứng, phục vụ hiệu quả cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu.
- Đưa vào sử dụng các công cụ phân tích tài chính nâng cao để tối ưu hóa dòng tiền, đặc biệt đối với các dự án đầu tư dài hạn trong bối cảnh biến động tỷ giá và lãi suất. Chủ động sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro tài chính để đảm bảo tính bền vững và an toàn trong triển khai danh mục đầu tư chiến lược.
- Tăng cường hoạt động truyền thông, quảng bá hình ảnh Petrovietnam là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam, tiên phong trong chuyển đổi xanh và phát triển bền vững. Đẩy mạnh hợp tác với các cơ quan báo chí, đối tác truyền thông trong và ngoài nước nhằm mở rộng độ phủ và tăng cường mức độ tin cậy đối với cộng đồng và nhà đầu tư.
- Phát triển chuỗi giá trị nội bộ thông qua liên kết hệ sinh thái doanh nghiệp, xây dựng nền tảng dữ liệu chung, phối hợp đồng bộ giữa các công ty thành viên nhằm chia sẻ hiệu quả về nguồn lực tài chính, hạ tầng kỹ thuật và chuyên gia.

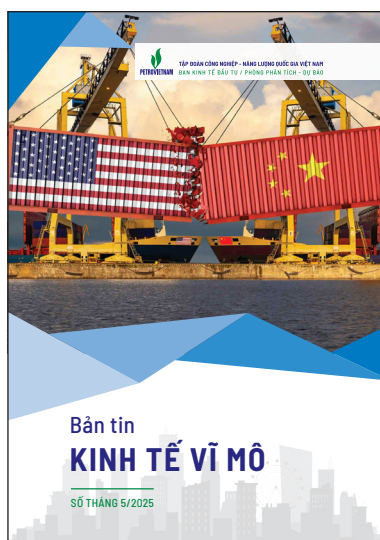
PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 4 NĂM 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 4 năm 2025	4 tháng đầu năm 2025	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	D
1	Tăng trưởng GDP		n/a	-	-	-	-	-
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a	-	101,4	108,9	108,4	-
3	Hoạt động của doanh nghiệp							
3.1	Thành lập mới	DN	15.200	89.900	97,5	107,4	109,9	-
3.2	Quay lại hoạt động	DN	-	-	-	-	-	-
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN	-	96.500	-	-	112,2	-
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	7.184	-	163,6	94,3	-	-
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	8.989	-	183,5	193,1	-	-
	- Hoàn tất giải thể	DN	1.750	-	81,9	137,4	-	-
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	Nghìn tỷ						
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	48,7	165,6	112,9	-	117,7	-
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	-	13,82	-	-	139,9	-
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-	6,74	-	-	107,3	-
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ	582,1	2.285,5	-	111,1	109,9	-
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa	Tỷ USD						
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	37,45	140,34	97,2	119,8	113,0	-
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	36,87	136,55	100,0	122,9	118,6	-
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 0,58	Xuất siêu 3,79	-	-	-	-
7	Chỉ số giá							
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				100,07	103,12	103,20	101,37
7.2	Chỉ số giá vàng				110,54	137,14	132,85	122,43
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				100,97	103,17	103,52	101,90
7.4	Lạm phát cơ bản				100,21	103,14	103,05	-

A: Tháng 4/2025 so với tháng 3/2025B: Tháng 4/2025 so với tháng 4/2024

C: Bình quân 4 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳD: Tháng 4/2025 so với tháng 12/2024



Ảnh bìa: Cảng thẳng thương mại Mỹ - Trung
tiếp tục leo thang.

Gfmag.com



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện